ĐỊA LÍ 6 – SÁCH KẾT CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Trường:..... Họ và tên giáo viên:
Tổ:.....
Ngày: ..... …….....

TÊN BÀI DẠY: BÀI MỞ ĐẦU - TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

Học sinh hiểu được nội dung cơ bản, nhiệm vụ của bộ môn Địa Lý lớp 6.

- Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.
- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại.
- Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Thiết bị dạy học:

+ quả địa cầu, bản đồ thế giới, tranh ảnh địa lý.

- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Tại sao có mưa, có nắng? Tại sao có ngày, có đêm? Tại sao Việt Nam không thường xuyên có tuyết trong khi ở Nam Cực băng tuyết lại phủ đầy quanh năm? Các em sẽ có câu trả lời qua các bài học địa lí. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1 Tìm hiểu về SỰ LÍ THÚ CỦA VIỆC HỌC MÔN ĐỊA LÍ

a. Mục đích: HS biết được khái niệm về những điều lí thú, kì diệu của tự nhiên mà các em sẽ được học trong môn địa lí

b. Nội dung: Tìm hiểu SỰ LÍ THÚ CỦA VIỆC HỌC MÔN ĐỊA LÍ

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS thảo luận theo nhóm ? Hãy cho biết những nội dung nào được đề cập đến trong SGK Địa Lý 6 ? Kể thêm 1 số điều lí thú về tự nhiên và con người mà em biết HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**I/ SỰ LÍ THÚ CỦA VIỆC HỌC MÔN ĐỊA LÍ** -Trên Trái Đất có những nơi mưa nhiều quanh năm, thảm thực vật xanh tốt, có những nơi khô nóng, vài năm không có mưa, không có loài thực vật nào có thể sinh sống - Học môn Địa lí sẽ giúp các em lần lượt khám phá những điều lí thú trên.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về VAI TRÒ CỦA ĐỊA LÍ TRONG CUỘC SỐNG

a. Mục đích: HS biết được vai trò của kiến thức Địa lí đối với cuộc sống

b. Nội dung: Tìm hiểu VAI TRÒ CỦA ĐỊA LÍ TRONG CUỘC SỐNG

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức thảo luận cặp đôi và theo lớp, yêu cầu HS thảo luận 1/ Dựa vào câu chuyện trên, em hãy cho biết, Tiu-li đã tránh được sóng thần nhờ có kiến thức và kĩ năng địa lí nào? 2/ nêu ví dụ cụ thể để thấy được vai trò của kiến thức Địa lí đối với cuộc sống HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ VAI TRÒ CỦA ĐỊA LÍ TRONG CUỘC SỐNG** + Kiến thức Địa lí giúp lí giải các hiện tượng trong cuộc sống: hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, mùa, mưa đá, mưa phùn, chênh lệch giờ giữa các nơi, năm nhuận, biến đổi khí hậu,... + Kiến thức Địa lí hướng dẫn cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống: làm gì khi xảy ra động đất, núi lửa, lũ lụt, biến đổi khí hậu, sóng thần, ô nhiễm môi trường,... + Định hướng thái độ, ý thức sống: trách nhiệm với môi trường sống, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường tự nhiên,...
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC NẮM CÁC KHÁI NIỆM VÀ KĨ NÀNG ĐỊA LÍ

a. Mục đích: HS Trình bày được các khái niệm cơ bản của địa lí như Trái Đất, các thành phần tự nhiên của TĐ và các kĩ năng cơ bản của bộ môn như quan sát lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, bảng số liệu …

b. Nội dung: Tìm hiểu về TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC NẮM CÁC KHÁI NIỆM VÀ KĨ NÀNG ĐỊA LÍ

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc thông tin SGK và quan sát các hình ảnh minh hoạ về mô hình, bản đồ, biểu đồ. Cho biết: 1/ Những khái niệm cơ bản trong địa lí hay dùng. 2/ Ý nghĩa HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**III/ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC NẮM CÁC KHÁI NIỆM VÀ KĨ NÀNG ĐỊA LÍ** -Khái niệm cơ bản của địa lí như Trái Đất, các thành phần tự nhiên của TĐ và các kĩ năng cơ bản của bộ môn như
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	quan sát lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, bảng số liệu … -> Giúp các em học tốt môn học, thông qua đó có khả năng giải thích và ứng xử phù hợp khi bắt gặp các hiện tượng thiên nhiên diễn ra trong cuộc sống hàng ngày
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS sưu tầm những câu ca dao và tục ngữ về hiện tượng tự nhiên nước ta. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả - Chuồn chuồn bay thấp thì mưa Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm. - Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão. - Cơn đằng đông vừa trông vừa chạy. Cơn đằng nam vừa làm vừa chơi. Cơn đằng bác đổ thóc ra phơi.	

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

……

Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM
https://www.facebook.com/groups/thuvienstem

TÊN BÀI DẠY: Bài 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độ địa lí, kinh độ, vĩ độ.
- Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến.
- Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Biết sử dụng quả Địa Cầu để nhận biết các kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, bán cầu Đông, bán cầu Tây, bán cầu Bắc, bán cầu Nam. Biết đọc và ghi toạ độ địa lí của một địa điểm trên quả Địa Cầu.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, ý thức và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thôngqua xác định các điểm cực của đất nước trên đất liền..

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Quả Địa Cầu
- Các hình ảnh về Trái Đất
- Hình ảnh, video các điểm cực trên phần đất liền lãnh thổ Việt Nam

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu **a. Mục đích:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để

hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: ngày nay các con tàu ra khơi đề có gắn các thiết bị định vị để thông báo vị trí cảu tàu. Vậy dựa vào đâu để người ta xác định được vị trí của con tàu đang lênh đênh trên biển HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN

a. Mục đích: HS Trình bày được khái niệm về hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến; xác định được toạ độ trên quả địa cầu

b. Nội dung: Tìm hiểu về HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYÊN

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS quan sát quả Địa Cầu, 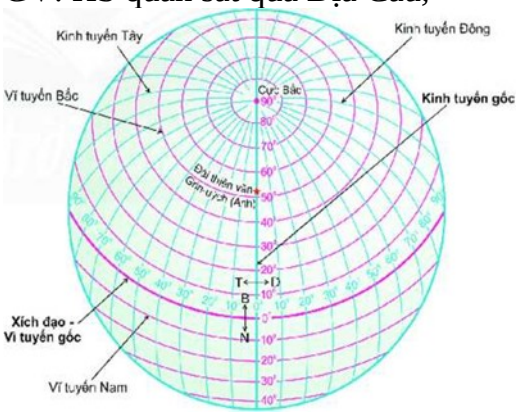 ? Em hãy xác định trên hình 1.1 các đối tượng sau: kinh tuyến gốc, các kinh tuyến Đông, các kinh tuyến Tây, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam, Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam.	**I. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYÊN** -Kinh tuyến là những nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả Địa cầu. - Vĩ tuyến là những vòng tròn bao quanh quả Địa cầu và vuông góc với các kinh tuyến - Kinh tuyến gốc là đường đi qua đài thiên văn Grin – Uýt ở ngoại ô Luân Đôn - thủ đô nước Anh (đánh số độ là 0°) + Dựa vào kinh tuyến gốc (kinh tuyến 0°) và kinh tuyến

từ đó yêu cầu HS nhận xét về hình dạng

HS thảo luận những nội dung sau.

Nhóm	Nội dung
Hình dạng, kích thước Trái Đất	Hình dạng: .... Kích thước: ....
Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến.	Khái niệm: Kinh tuyến: ..... Kinh tuyến gốc: .... Vĩ tuyến: .....
So sánh độ dài giữa các kinh tuyến với nhau, giữa các vĩ tuyến với nhau.	

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài

180° đối diện để nhận biết kinh tuyến đông, kinh tuyến tây. Dựa vào vĩ tuyến gốc (Xích đạo) để biết vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam.

+ Các kinh tuyến có độ dài bằng nhau. Các vĩ tuyến có độ dài khác nhau.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ

a. Mục đích: HS biết được khái niệm Kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí và cách xác định trên bản đồ, lược đồ

b. Nội dung: Tìm hiểu TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Quan sát hình 4 và thông tin SGK thảo luận cặp đô các nội dung sau 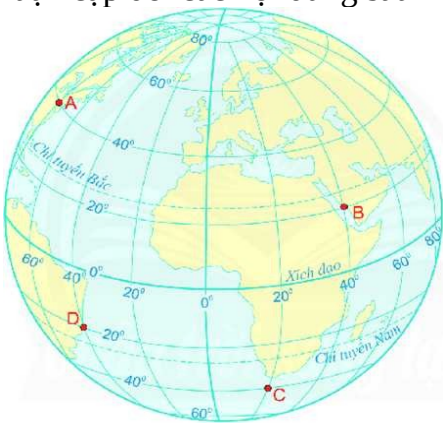 	**II. TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ** - Kinh độ của 1 điểm là số độ chỉ khoảng cách từ kinh tuyến đi qua điểm đó tới kinh tuyến gốc. - Vĩ độ của 1 điểm là số độ chỉ khoảng cách từ vĩ tuyến đi qua địa điểm đó đến vĩ tuyến gốc. - Tọa độ địa lý của một điểm là nơi giao nhau giữa kinh độ và vĩ độ của điểm đó. Cách viết: $\begin{cases} 20^0 T \\ 10^0 B \end{cases}$ Hoặc c (20^0T, 10^0 B)

1/ Khái niệm kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí. 2/ Xác định toạ độ địa lí của các điểm A, B, C, D trên hình HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN CỦA BẢN ĐỒ THẾ GIỚI

a. Mục đích: HS biết được khái niệm Kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí và cách xác định trên bản đồ, lược đồ

b. Nội dung: Tìm hiểu LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN CỦA BẢN ĐỒ THẾ GIỚI

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Quan sát hình 4 và thông tin SGK thảo luận cặp đô các nội dung sau Dựa vào nội dung mô tả lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới (hình 1.3.a), hãy mô tả đặc diêm lưới kinh, vĩ tuyên của các hình còn lại. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN CỦA BẢN ĐỒ THẾ GIỚI** **. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới** - Bản đồ thế giới theo lưới chiếu hình nón): Kinh tuyến là những đoạn thẳng đồng quy ở cực, vĩ tuyến là những cung tròn đồng tâm ở cực bản đồ thế giới theo lưới chiếu hình trụ đứng đồng góc - Mercator): - Hệ thống kinh, vĩ tuyến đều là những đường thẳng song song và vuông góc với nhau
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: Dựa vào hình 1.4, em hãy hoàn thành các nhiệm vụ và trả lời những câu hỏi sau: 1. Mô tả đặc điêm lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ trên. 2. Tìm trên bản đồ các vĩ tuyến: - Vòng cực Bắc, Vòng cực Nam. - Chí tuyến Bắc, Chỉ tuyến Nam. 3. Xác định toạ độ địa lí của các điếm A, B, c, D HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào bản đồ hành chỉnh Việt Nam, em hãy xác định và ghi ra toạ độ địa lí trên đất liền bốn điểm cực: cực Bắc, cực Nam, cực Đông và cực Tây của lãnh thổ nước ta.: HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

……

TÊN BÀI DẠY: Bài 2. KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG.

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hiểu được khái niệm bản đồ, các yếu tố cơ bản của bản đổ.
- Nhận biết được một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
- Nêu được sự cần thiết của bản đồ trong học tập và đời sống_

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Xác định phương hướng trên bản đồ. So sánh sự khác nhau giữa các lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Tôn trọng sự thật về hình dạng, phạm vi lãnh thổ của các quốc gia và vùng lãnh thổ..

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Quả Địa Cầu
- Một số bản đồ giáo khoa treo tường thế giới được xây dựng theo một số phép chiếu khác nhau
- Phóng to hình 1 trong SGK
- Các bức ảnh vệ tỉnh, ảnh máy bay của một vùng đất nào đó để so sánh với bản đồ

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Bản đồ địa lí được sử dụng để thế hiện nhiều loại thông tin khác nhau. Làm sao chúng ta có the đọc và hiếu đirợc những nội dung cơ bản được the hiện trên bản đồ? Ví dụ, làm sao đế biết được đâu là thành pho, công viên, rừng cây hay dòng sông? Những câu hỏi trên phần nào sẽ được giải đáp trong bài học này HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI

a. Mục đích: HS Trình bày được khái niệm bản đồ, các dạng bản đồ, các cấp tỉ lệ.

b. Nội dung: Tìm hiểu về KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS Dựa vào hình 2.1, em hãy cho biết các kỉ hiệu a, b, c, d tương ứng với nội dung các hình nào (1, 2, 3, 4)? Quan sát hình 2.2 và hình 2.3, em hãy: - Xác định các yếu tố sau: bảng chú giải, kỉ hiệu. - Cho biết kỉ hiệu nào thể hiện các mỏ sắt, mỏ than? Ki hiệu nào được dùng để thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận? HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I. KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI** - Kí hiệu bản đồ là phương tiện dùng để thể hiện toàn bộ hay một phần của các sự vật và hiện tượng địa lí. -Kí hiệu bản đồ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ. Ý nghĩa của các kí hiệu được giải thích rõ ràng trong chú giải của bản đồ..
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ

a. Mục đích: HS biết các dạng biểu đồ tương ứng với nó là các đường kinh và vĩ tuyến

b. Nội dung: Tìm hiểu CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV Cho HS quan sát 1 số bản đồ. Thảo luận theo nhóm nội dung sau. Nhóm 1,3 ? Trên BĐ người ta thể hiện những gì? ? Ký hiệu bản đồ là gì? Nhóm 2,4 Hãy kể thêm tên một số đối tượng địa lí được thể hiện bằng các loại kí hiệu: điểm, đường, diện tích. : Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ** **Định nghĩa:** Ký hiệu BĐ là những dấu hiệu quy ước (mầu sắc, hình vẽ) thể hiện đặc trưng các đối tượng địa lý **Các loại ký hiệu:**
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Kí hiệu điểm	•4* Sản bay Càng biển ♦ Nhà máy thuỷ
Kí hiệu đường	Biên giới quóc gia ----- Đường bộ
Kí hiệu	Đất cát Đát phù sa sông

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.
c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau.
Dựa vào hình 2.2 và hình 2.3 em hãy:

- Xác định vị trí và độ cao của đình núi Ê-vơ-rẻt (Everest), vị trí và độ sâu của vực biên Ma-ri-a-na (Maríana).
- Tìm dãy núi Rốc-ki (Rocky).
- Hãy xác định vị trí của sân bay Nội Bài.

HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Hãy sưu tầm bản đồ hành chỉnh Việt Nam qua các thời kì và so sánh sự thay đổi số lượng các đơn vị hành chính cấp tỉnh HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

……

TÊN BÀI DẠY: Bài 3. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :*Yêu cầu cần đạt:*

1. Kiến thức:

- Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thựctế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Biết tìm đường đi trên bản đồ.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Tính khoảng cách thực tế giữa hai điểm dựa vào tỉ lệ bản đổ

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. <u>Phẩm chất</u>

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ giáo khoa treo tường có cả tỉ lệ số và tỉ lệ thước
- Bản đồ hình 1 trong SGK

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Kỹ thuật và công nghệ giúp chúng ta tìm kiếm đường đi một cách dễ dàng. Chỉ cần một thiết bị di động kết noi Internet, với vài thao tác đơn giản, người tham gia giao thông được hướng dẫn chỉnh xác nơi họ muốn đến. Tuy nhiên, ngay cá với công nghệ này, chúng ta vẫn cần đen bản đồ đường đi. Bởi vì nó rất hữu ích đe lựa chọn tuyến đường sẽ đi trong chuyên hành trình, tìm vị trí cùa các địa điếm, ước tỉnh thời gian di chuyển và bô sung thông tin cần thiết. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Phương hướng trên bản đồ

a. Mục đích: HS Trình bày được các phương hướng trên bản đồ và trên thực địa

b. Nội dung: Tìm hiểu về Phương hướng trên bản đồ
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào thông tin trong bài và quan sát hình 3.4, em hãy: Xác định vị trí của tòa nhà thư viện. Siêu thị ở phía nào của lược đồ? Công viên ở phía nào của lược đồ?HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I/ Phương hướng trên bản đồ** - Đầu trên của các kinh tuyến chỉ hướng bắc, đẩu dưới chỉ hướng nam. - Đẩu bên trái của các vĩ tuyến chỉ hướng tây, đầu bên phải chỉ hướng đông 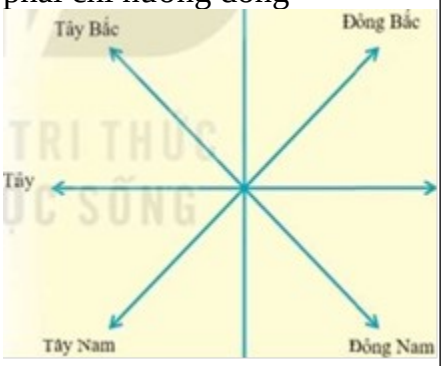
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Tỉ lệ bản đồ

a. Mục đích: HS Trình bày được các phương hướng trên bản đồ và trên thực địa
b. Nội dung: Tìm hiểu về Tỉ lệ bản đồ
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu 1/ Khái niệm tỉ lệ ban rđồ. 2/ nguyên tắc tính tỉ lệ bản đồ HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ Tỉ lệ bản đồ** - Khái niệm: Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa. Để thể hiện tỉ lệ bản đồ người ta dùng tỉ lệ số và tỉ lệthước - Nguyên tắc: Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ,
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	

HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	chúng ta cần thao tác như sau: . Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước kẻ. . Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ. . Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa - Nếu trên bản đồ có tỉ lệ thước, ta đem khoảng cách AB trên bản đồ áp vào thước tỉ lệ sẽ biết được khoảng cách AB trên thực tế
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

a. Mục đích: HS biết được cách đo tỉ lệ trên bản đồ và ngoài thực địa

b. Nội dung: Tìm hiểu Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu Dựa vào hình 3.5, em hãy: 1. Xác định hướng đi từ Hội trường Thống Nhất (Dinh Độc Lập) đến Nhà hát Thành phố. 2. Xác định tuyến đường ngắn nhất đê đi từ Hội trường Thong Nhất đến chợ Ben Thành HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ** Đề tìm đường đi trên bản đồ, cần thực hiện theo các bước sau: ***Bước 1:*** Xác định nơi đi và nơi đến, hướng đi trên bản đồ. ***Bước 2:*** Tìm các cung đường có thể đi và lựa chọn cung đường thích hợp với mục đích (ngắn nhất, thuận lợi nhất hoặc yêu cầu phải đi qua một số địa điểm cần thiết), đảm bảo tuân thủ theo quy định của luật an toàn giao thông. ***Bước 3:*** Dựa vào tỉ lệ bản đò để xác định khoảng cách thực tế sẽ đi.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. Quan sát hình 3.5, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau để đo tính khoảng cách

và tìm đường đi trên bản đồ: 1. Cho biết với tì lệ 1:10 000 thì lem trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu m trên thực địa? 2. Sử dụng ti lệ sổ hoặc ti lệ thước để đo và tính khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay giữa các địa điểm sau (đơn vị: m): + Khoảng cách từ Bảo tàng Chứng tích chiến tranh đến Uỷ ban Nhân dân Thành phố HỒ Chỉ Minh. + Chiều dài đường Nam Kì Khởi Nghĩa đoạn từ ngã tư với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư với đường Lý Tự Trọng HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS quan sát bản đồ và thực hiện yêu cầu sau. Sử dụng bản đồ du lịch Việt Nam để lên kế hoạch cho một chuyến đi chơi trong ba ngày. Hãy chọn các điểm dừng chân và lên kế hoạch cụ thể cho chuyến đi. Hãy chọn phương tiện di chuyển, nơi em dự định tham quan, nghi đêm, món ăn sẽ thưởng thức,... Hãy nêu rõ những lí do lựa chọn của em. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

……

TÊN BÀI DẠY: Bài 4. LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:
Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với học sinh.
2. Năng lực
*** Năng lực chung**
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Vẽ được lược đồ trí nhớ về một số đối tượng địa lí thân quen.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất
- Trách nhiệm: Thêm gắn bó với không gian địa lí thân quen, yêu trường lớp, yêu quê hương
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Chuẩn bị của giáo viên:
- Thiết bị dạy học:
+ bản đồ SGK, bản đồ khu vực giờ, quả Địa cầu, đèn pin
- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu
a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.
b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Trong cuộc sống hằng ngày, nhiều lúc các em sẽ gặp tình huống hỏi đường từ những khách du lịch hoặc người từ nơi khác đến. Vậy làm thế nào để các em có thể giúp họ đến đúng nơi họ muốn tới mà không phải trục tiếp dẫn đi? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Khái niệm lược đồ trí nhớ

a. Mục đích: HS Trình bày Khái niệm lược đồ trí nhớ.
b. Nội dung: Tìm hiểu về Khái niệm lược đồ trí nhớ
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ Thế nào là lược đồ trí nhớ ? 2/ Lược đồ trí nhớ có tác dụng gì trong cuộc sống? HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I/ Lược đồ trí nhớ**: -Lược đò trí nhớ là những thông tin không gian về thế giới được giữ lại trong trí óc con người. Lược đồ trí nhớ được đặc trưng bởi sự đánh dấu các địa điểm mà một người từng gặp, từng đến,... - Lược đồ trí nhớ của một người phản ánh sự cảm nhận của người đó về không gian sống và ý nghĩa của không gian ấy đối với cá nhân
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Vẽ lược đồ trí nhớ PHÁC THẢO LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

a. Mục đích: HS biết Vẽ lược đồ trí nhớ đường đi và lược đồ một khu vực
b. Nội dung: Tìm hiểu PHÁC THẢO LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS làm việc theo nhóm. Nhóm 1,2,3: Vẽ lược đồ trí nhớ đường đi - Em hãy mô tả đường đi từ nhà em tới trường và trình bày trước lớp Nhóm 4,5,6: Vẽ lược đồ một khu vực - Em hãy mô tả trường em qua trí nhớ của mình và trình bày trước lớp. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ PHÁC THẢO LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ** - Các điểm cần xác định để vẽ được biểu đồ trí nhớ: điểm đầu, điểm kết thúc, hướng đi, các điểm mốc, - Hình dung: Nhớ lại và suy nghĩ về nơi mà em sẽ vẽ lược đồ. - Sắp xếp không gian:. -
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	Vị trí bắt đầu: - Gồm: lược đồ trí nhớ đường đi và lược đồ một khu vực
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 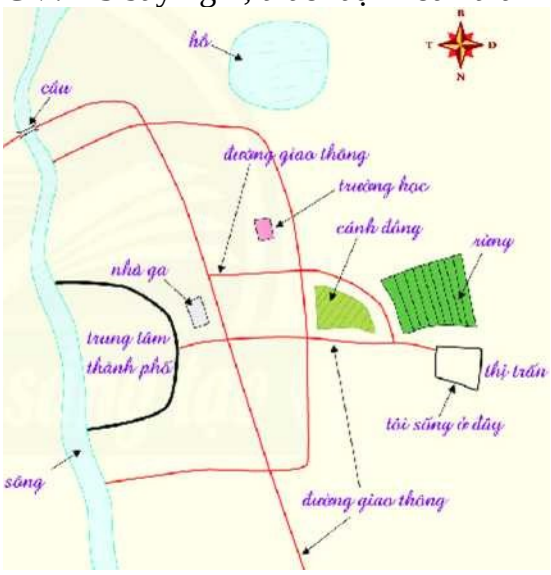   Quan sát hình 4.1 và trả lời những câu hỏi sau: -Người vẽ lược đồ này Sống ở đâu? Nơi đó có thể xem là vị trí để bắt đầu vẽ lược đồ này không? - Từ thị trấn đến trường học sẽ đi qua những đối tượng địa lí nào? - Đối tượng địa lí nào kéo dài từ bắc đen nam ở rìa phía tây lược đồ? - Hồ nằm ở hướng nào trên lược đồ? HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Vẽ sơ đồ trường em đang học. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

……..

TÊN BÀI DẠY: Bài 5. VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI. HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT.

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác,...
- Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Quan sát các hiện tượng trong thực tế để biết được hình dạng của Trái Đất..
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Mong muốn tìm hiểu, yêu quý và bảo vệ Trái Đất.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Quả Địa Cầu
- Mô hình hệ Mặt Trời

- Các video, hình ảnh về Trái Đất và hệ Mặt Trời

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Chúng ta đang sống trên Trái Đất, một hành tinh trong Vũ Trụ bao la, chắc hẳn không ít lần chúng ta đặt càu hỏi về noi mình đang sổng: Trái Đất nằm ở đâu trong Vũ Trụ? Trái Đất có hình dạng như thế nào HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Vị trí cùa Trái Đất trong hệ Mặt Trời

a. Mục đích: HS biết được vị trí của TĐ trong hệ Mặt Trời và ý nghĩa của khoảng cách đó

b. Nội dung: Tìm hiểu về Vị trí cùa Trái Đất trong hệ Mặt Trời

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS suy nghĩ, trao đổi cặp đoi thông tin sau Dựa vào hình 1, em hãy cho biết	**I. Vị trí cùa Trái Đất trong hệ Mặt Trời** -Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3

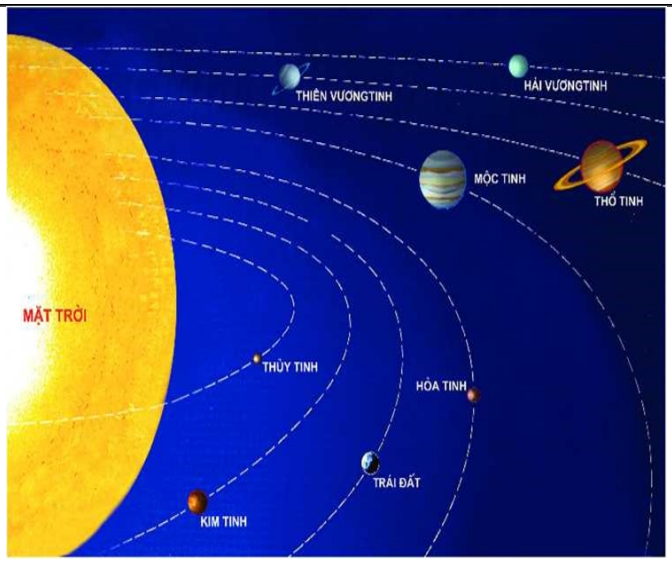 Quan sát hình 5.1, em hãy: - Kê tên các hành tinh quay quanh Mặt Trời. - . Sắp xếp các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời. Theo thứ tự này, Trải Đất nằm ở vị trí thứ mẩy? HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	theo thứ tự xa dần Mặt Trời - Ý nghĩa: Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là khoảng cách lí tưởng giúp cho Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể tồn tại và phát triển
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Hình dạng, kích thước cùa Trái Đất

a. Mục đích: HS biết hình dạng, kích thước của Trái Đất

b. Nội dung: Tìm hiểu Hình dạng, kích thước cùa Trái Đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS	**II/ Hình dạng, kích thước cùa Trái Đất**

 Dựa vào hình 5.2, hình 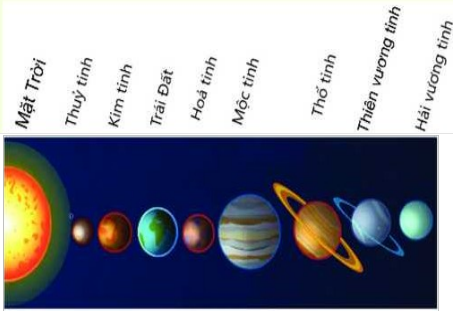 HS quan sát H5.3 và thông tin trong bài, em hãy: - Cho biết: + Hình dạng của Trái Đất. + Độ dài của bản kính Trái Đất tại Xích đạo. + Độ dài đường Xích đạo. - Nhận xét về kích thước của Trái Đất so với các hành tinh khác trong hệ Mặt Trời.HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	-Trái Đất có hình cầu. - Trái Đất có bán kính Xích đạo là 6 378 km, diện tích bề mặt là 510 triệu km2. -> Nhờ có kích thước và khối lượng đủ lớn, Trái Đất đã tạo ra lực hút giữ được các chất khi làm thành lớp vỏ khi bảo vệ mình
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. Hãy lập sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về hình dạng, kích thước và vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. Nội dung: Vận dụng kiến thức
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Hãy sưu tầm một so thông tin và hình ảnh về Trái Đất hoặc hệ Mặt Trời. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

……

TÊN BÀI DẠY: BÀI 6. CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ CÁC HỆ QUẢ.

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

-Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

- Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến

- So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.

- Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiểu kinh tuyến

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Thiết bị dạy học:

+ Quả địa cầu, tranh vẽ 23, 24, 25. (SGK).

- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Trái Đât không đúng yên mà luôn tự quay quanh trục. Điều đó dẫn tới nhũng hệ quả có tác động lớn với đời sống con người. Trái Đất tự quay như thế nào và dẫn tới những hệ quả gì?. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn ở các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất

a. Mục đích: HS Trình bày được các đặc điểm và hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

b. Nội dung: Tìm hiểu về Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn ở các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập	**I/ Chuyển động tự quay**

GV: Giới thiệu hình 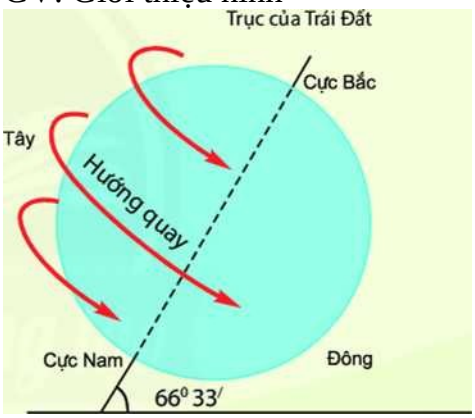 Dựa vào hình 6.1 và thông tin trong bài, em hãy: - Xác định: + Cực Bắc, cực Nam và trục của Trái Đất. + Hướng tự quay quanh trục của Trái Đất. - Cho biết thời gian Trải Đất quay một vòng quanh trục.. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**quanh trục** - Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông. - Thời gian Trái Đất tự quay 1 vòng quanh trục là 24h. - Trái Đất tự quay quanh một trục tưởng tượng. Trục này nối liền hai cực của Trái Đất và nghiêng một góc 66°33'trên mặt phẳng quỹ đạo.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về Ở hai miền cực số ngày có ngày, đêm dài suốt 24 giờ thay đổi theo mùa

a. Mục đích: HS biết được khái niệm về

b. Nội dung: Tìm hiểu Ở hai miền cực số ngày có ngày, đêm dài suốt 24 giờ thay đổi theo mùa

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: **1/ Ngày đêm luân phiên** **Dựa vào hình 6.2, hình 6.3 và thông tin trong bài,**	**II/ Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.**

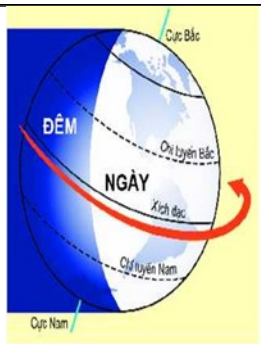 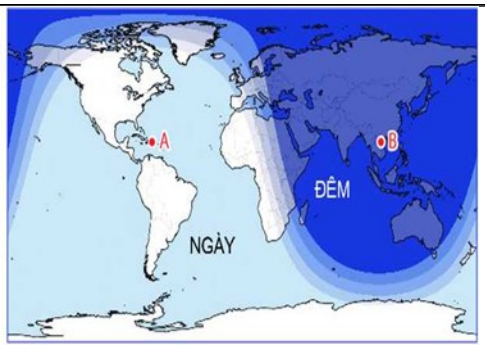 **em hãy:** - Cho biết vị trí điểm A có luôn là ban ngày, còn vị trí điểm B có luôn là ban đêm không? Tại sao? - Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất **2/ Giờ trên Trái Đất** Đọc thông tin trong bài và quan sát hình 6.4 , em hãy cho - Be mặt Trái Đất được chia làm bao nhiêu mủi giờ? - Việt Nam thuộc múi giờ thứ mấy? - Múi giờ nước ta muộn hay sớm hơn so với giờ GMT? -Xác định múi giờ của các thành phố: Hà Nội, Oa-sinh-tơn (Washington), Mát-xcơ-va (Moscow) và Tô-ki-ô (Tokyo). **c/ Sự lệch hướng chuyển động của vật thể** Quan sát hình 4,	**1/ Ngày đêm luân phiên** Do Trái đất có dạng hình cầu và chuyển động tự quay quanh trục từ tây sang đông nên khắp mọi nơi trên Tráiđất đều lần lượt có ngày và đêm **2/Giờ trên Trái Đất** - Chia bề mặt Trái Đất ra làm 24 khu vực giờ, mỗi khu vực có 1 giờ riêng gọi là giờ khu vực **3/ Sự lệch hướng chuyển**	

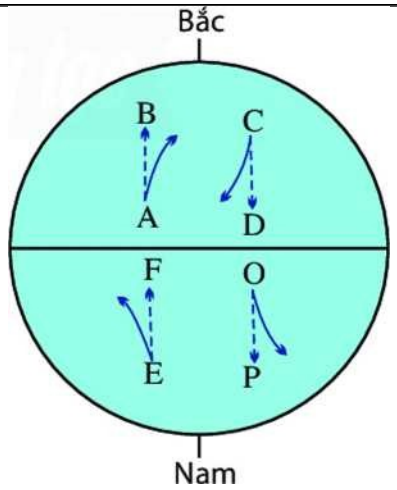 em hãy cho biết: - Ở bán cầu Bắc, vật thể chuyền động theo chiều kinh tuyến lệch về bên trái hay bên phải so với hướng di chuyền ban đẩu. - Ở bán cầu Nam, vật thề chuyển động theo chiều kinh tuyến lệch về bên trái hay bên phải so với hướng di chuyền ban đẩu. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**động của vật thể**. Sự chuyển động của Trái đất quanh trục làm cho các vật c/đ trên bề mặt trái đất đều bị lệch hướng. Nếu nhìn xuôi theo hướng chuyển động thì: + ở nửa cầu bắc lệch về bên phải. + ở nửa cầu nam lệch về bên trái
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 1. Sử dụng quả Địa Câu đê mô tả chuyên động tự quay quanh trục của Trái Đât. 2. Hãy lập một sơ đồ hệ thong hoá kiến thức về hệ quả chuyến động tự quay quanh trục của Trái Đất HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Sảng nay, trước khi đến trường, Hoàng định gọi điện hỏi thăm một người bạn ở nước Anh. Thấy vậy, mẹ của Hoàng đã khuyên bạn ấy hãy gọi vào thời điểm khác phù hợp hơn. Theo em, tại sao mẹ của Hoàng lại khuyên như vậy? Em hãy tư vấn cho Hoàng thời diêm phù hợp đê gọi điện hỏi thăm bạn của mình. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

……

Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM

https://www.facebook.com/groups/thuvienstem

TÊN BÀI DẠY: Bài 7. CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT QUAY QUANH MẶT TRỜI VÀ HỆ QUẢ .

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian,...
- Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu.
- Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Biết dùng quả Địa Cầu và mô hình hoặc hình vẽ Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời để trình bày chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết cách thích ứng với thời tiết của từng mùa
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. <u>Phẩm chất</u>

- Trách nhiệm: Tôn trọng các quy luật tự nhiên: quy luật mùa,... Yêu thiên nhiên, cảnh vật các mùa.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Quả Địa Cầu
- Mô hình Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời
- Các video, ảnh về chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: "Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng Ngày tháng mười chưa cười đã toi ". Câu tục ngữ trên đã rất gần gũi với người dân Việt Nam. Nội dung của nó the hiện một hiện tượng tự nhiên diễn ra hàng năm ở nước ta, đó là hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. Đây chỉnh là một hệ quả được sinh ra từ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời. Trong thực tế, hiện tượng này diễn ra như thế nào trên Trái Đất? Còn hệ quả nào khác sinh ra từ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới	

HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

a. Mục đích:HS biết được quỹ đạo quay, hướng quay, thời gian của 1 vòng chuyển động

b. Nội dung: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình, sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV sử dụng quả Địa Cầu làm mẫu và đi chuyển quả Địa Cầu quanh một "Mặt Trời" tưởng tượng hoặc dùng mô hình Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời cùng với hình 7.1 trong SGK để giảng dạy 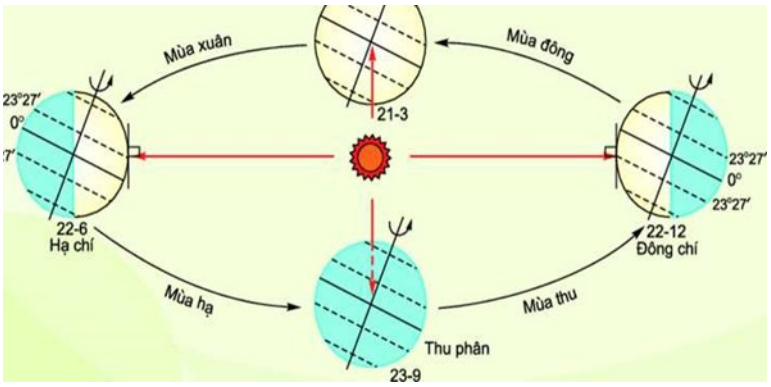 HS quan sát và hoàn thành bảng kiến thức sau. + Quỹ đạo chuyển động + Hướng chuyển động: + Thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời hết 1 vòng + Góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I/ Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời** + Quỹ đạo chuyển động: hình elip gần tròn + Hướng chuyển động: từ tây sang đông (ngược chiều kim đồng hồi. + Thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời hết 1 vòng: 365 ngày 6 giờ (I năm). + Góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời: không đổi, nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc 66độ33'
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

a. Mục đích: HS biết được tên các hệ quả và đặc điểm từng hệ quả của chuyển động Trái Đất quay quanh Mặt Trời

b. Nội dung: Tìm hiểu Hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **1/ Mùa trên Trái Đất** 1. Dựa vào hình 1, 2 và thông tin trong mục 2, cho biết: 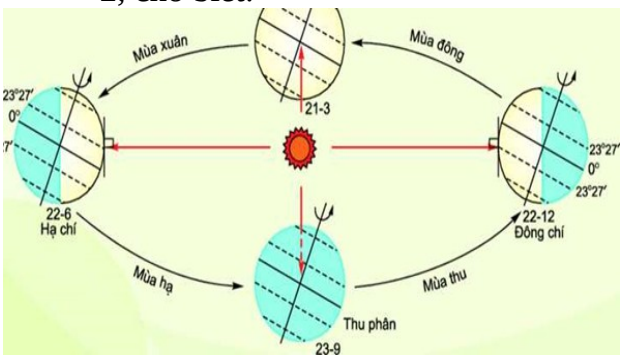 -Vào ngày 22 tháng 6, bán cầu Bắc đang là mùa gì, bán cầu Nam đang là mùa gì. Tại sao? -Vào ngày 22 tháng 12, bán cầu Bắc đang là mùa gì, bán cầu Nam đang là mùa gì. Tại sao? 2. Dựa vào hình 2, nêu sự khác nhau về thời gian diễn ra mùa của hai bán cầu. Dựa vào hình 3, nêu sự khác nhau về hiện tượng mùa theo vĩ độ. **2/ Hiện tượng ngày - đêm dài ngắn theo mùa** Dựa vào hình 7.2 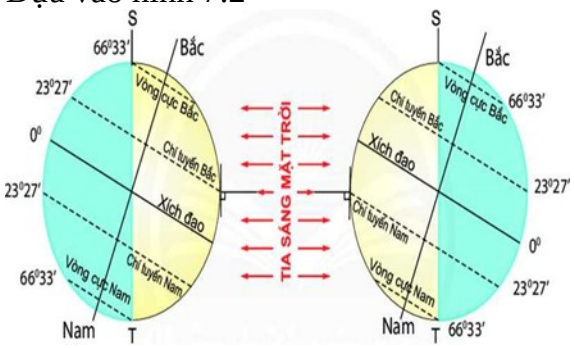 và thông tin trong bài, em hãy: - Xác định trục Trái Đất (Bắc - Nam) và đường phân chia sảng tối (ST). - Cho biết: + Ngày 22 - 6, Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến nào? Thời điểm đỏ, ngày dài hơn đêm ở bản cầu Bắc hay bản cầu Nam? + Ngày 22 - 12, Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến nào? Thời điểm đó, ngày dài hơn đêm ở bản cầu Bắc hay bản cầu Nam?HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT QUANH MẶT TRỜI** **1/ Hiện tượng mùa** - Trong quá trình chuyển động Mặt Trời, nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam luôn phiên chúc và ngả về phía Mặt Trời sinh ra các mùa. - Sự phân bố ánh sáng, lượng nhiệt và các mùa ở 2 nửa cầu trái ngược nhau. - Người ta chia 1 năm ra 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. - Các mùa tính theo dương lịch và âm - dương lich có khác nhau về thời gian bắt đầu và kết thúc. **2/ Hiện tượng ngày - đêm dài ngắn theo mùa** -Trong khi chuyển động quanh Mặt trời Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc,nửa cầu Nam về phía Mặt Trời. -Do đường phân chia sáng tối không trùng với trục TĐ,nên các địa điểm ở nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ (càng về hai cực càng biểu hiện rõ)
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ	

HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Thời gian / Địa điểm	Ngày 22 tháng 6		Ngày 22 tháng 12	
	Mùa	So sánh độ dài ngày – đêm	Mùa	So sánh độ dài ngày – đêm
Bán cầu Bắc	Nóng	Thời gian ngày dài hơn thời gian đêm	Lạnh	Thời gian ngày ngắn hơn thời gian đêm
Bán cầu Nam	Lạnh	Thời gian ngày ngắn hơn thời gian đêm	Nóng	Thời gian ngày dài hơn thời gian đêm

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.
c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 1. Dựa vào hình 7.1, hãy cho biết các mùa xuân, hạ, thu, đông ở bán cầu Bắc kéo dài trong khoảng thời gian nào? 2. Khi các mùa ở bán cầu Bắc là xuân, hạ, thu, đông thì thứ tự mùa ở bán cầu Nam diễn ra như thế nào HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. Nội dung: Vận dụng kiến thức
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Địa phương nơi em đang sinh Sống mỗi năm có mấy	

mùa? Đó là những mùa nào? Thời gian moi mùa thường kéo dài khoảng mấy tháng. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: Bài 8. THỰC HÀNH: XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG NGOÀI THỰC TẾ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

Xác định dược phương hướng ngoài thục tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Biết cách xác định phương hướng dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên. - Biết quan sát và sử dụng các hiện tượng thiên nhiên phục vụ cho cuộc sống hằng ngày
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Gần gũi, gắn bó hơn với thiên nhiên xung quanh
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: - La bàn

- Điện thoại thông minh có la bàn
- Tranh ảnh, video về tìm phương hướng trong thực tế

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Trong cuộc sống, nhiều khi ' con người rơi vào nhũng tình huống hết súc khó khăn, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng do bị mất phương huớng. Đó là khi bị lạc trong rừng, lênh đênh giũa đại duơng hoặc lạc lối giũa một vùng đất xa lạ,... Khi đó, xác định phương hướng ngoài thục tế là một kĩ năng cần thiết để chúng ta có thể vượt qua hiểm nguy HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Xác định phương hướng bằng la bàn

a. Mục đích:

b. Nội dung: Xác định phương hướng bằng la bàn

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: giới thiệu la bàn cẩm tay và la bàn trong điện thoại thông minh cho HS, Sau đó, GV yêu cầu các HS làm việc theo nhóm nhỏ sử dụng la bàn và yêu cầu HS tìm phương hướng của một đối tượng cụ thể bằng la bàn như xác định hướng cửa lớp, hướng cổng trường giống yêu cầu trong SGK. - Dựa vào hình 8.1 và hình 8,2, em hãy cho biết các hướng chỉnh trong la bàn.	**I/ Xác định phương hướng dựa vào việc dùng la bàn** **1/ Hướng dẫn** -Kim nam châm làm băng kim loại có từ tính, thường có dạng hình thoi. Đẩu kim bắc và đầu kim nam có màu khác nhau để phân biệt, đẩu kim bắc thường có màu đậm hơn. -Vòng chia độ: Trên vòng

 - Sử dụng la bàn đê xác định: + Hướng của phòng học (theo hướng nhìn thẳng từ phía trong phòng ra ngoài qua cửa ra vào). + Hướng ngồi của học sinh (theo hướng nhìn của học sinh từ chỗ ngồi về phía bảng). + Ghi kết quả và báo cáo HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	chia độ có ghi bốn hướng chính và số độ từ 0° đến 360°. **2/ Các bước tiến hành** đặt la bàn thăng bằng trên mặt phảng, tránh xa các vật băng kim loại có thể ảnh hưởng tới kim nam châm. Mở chốt hãm cho kim chuyền động, đến khi kim đứng yên, ta đã xác định được hướng bắc - nam, từ đó xác định các hướng
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên

a. Mục đích: HS biết được

b. Nội dung: Tìm hiểu Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời các câu hỏi sau: - Người em đã xác định hướng tây bằng cách dựa vào đâu? - Sau khi xác định được hướng tây, người em đã làm cách nào đê xác định các hướng còn lại? - Hãy nêu quy tắc xác định phương hướng ngoài thực tế.HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên** Dựa vào hướng Mặt Trời mọc và lặn có thể xác định được phương hướng một cách tương đối chính xác.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Quan sát Mặt Trời hoặc sử dụng la bàn, hãy xác định khi đi từ nhà đến trường, trước tiên em phải đi về hướng nào HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

CHƯƠNG 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT

GV có thể sử dụng phần mở đầu chương trong SGK để dẫn dắt, gợi sự tò mò, hứng thú tìm hiểu cho HS vào chương mới. Đây là tình huống có vấn đề vì chúng ta đều biết không thể
đi xuyên qua vào tâm Trái Đất. GV nên tìm đọc sách "Cuộc thám hiểm vào lòng đất" hoặc
tham khảo phần thông tin bổ sung. Sau đó, GV định hướng cho HS các nội dung của chương:

Cấu tạo của Trái Đất

Các mảng kiến tạo

Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi

Hiện tượng động đất, núi lửa
Các dạng địa hình chính trên Trái Đất
- Khoáng sản.

TÊN BÀI DẠY: Bài 9. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT.
ĐỘNG ĐẤT VÀ NÚI LỬA
Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :
Yêu cầu cần đạt:
1. Kiến thức:
- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất
- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.
- Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.
- Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra vào nhau

2. Năng lực
*** Năng lực chung**
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**
- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Nêu và xác định được trên lược đổ tên 7 địa mảng (mảng kiến tạo) lớn của vỏ Trái Đấtvà tên các cặp địa mảng xô vào nhau. - Sử dụng hình ảnh để xác định được cấu tạo bên trong của Trái Đất.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: - Sơ đồ cấu trúc bên trong của Trái Đất - Các video về cấu tạo của Trái Đất và các địa mảng - Phiếu học tập
- Lược đồ các địa mảng của lớp vỏ Trái Đất

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Năm 2018, núi lửa Sô-pu-tan (Soputan) ởIn-đô-nê-xi-a (Indonesia) phun trào chi vài ngày sau trận động đất khoảng 7 độ richte. Vì sao động đất và núi lửa lại xuất hiện trên Trái Đất? Bên trong Trái Đất có những gì và cấu tạo ra sao? Con người đã nỗ lực khám phá bằng những cách nào? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Cấu tạo bên trong của Trái Đất

a. Mục đích:

b. Nội dung: Cấu tạo bên trong của Trái Đất

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV cho HS quan sát hình 9.1 trong SGK	**I/ Cấu tạo của Trái Đất** - Trái Đất cấu tạo gồm 3 lớp.

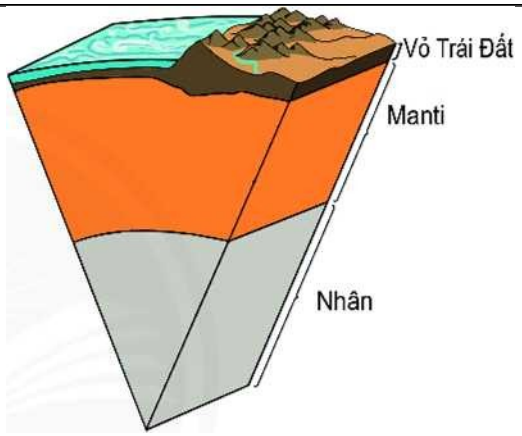

hoặc video về cấu tạo của Trái Đất và dùng phương pháp đàm thoại gợi mở để HS trao đổi và mô
tả được cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp, tên các lớp đó
HS làm việc theo nhóm tìm hiểu về đặc điểm của ba lớp bằng cách hoàn thành phiếu học tập.
+ Nhóm 1: Tìm hiểu đặc điểm của lớp vỏ Trái Đất.
+ Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm của lớp man -ti.
+ Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm của lớp nhân

	Lớp vỏ	Lớp manti	Lớp nhân
Độ dày			
Trạng thái			
Nhiệt độ.			

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài

(Bảng chuẩn kiến thức)

Bảng chuẩn kiến thức

Lớp / Địa điểm	Vỏ Trái Đất	Man-ti	Nhân
Độ dày	5 – 70 km	2 830 km	3 471 km
Trạng thái	Rắn	Quánh dẻo đến rắn	Lỏng đến rắn
Nhiệt độ	Có thể đến 1 000°C	1 500 – 3 700°C	Khoảng 5 000°C

Hoạt động 2.2: Các địa mảng (mảng kiến tạo)

a. Mục đích: HS kể tên được các mảng kiến tạo trên thế giới

b. Nội dung: Tìm hiểu Các địa mảng (mảng kiến tạo)

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào hình 9.3, em hãy: - Cho biết lớp vỏ Trái Đất có các mảng kiến tạo lớn nào? - Xác định nơi tiếp giáp giữa các mảng kiến tạo đang xô vào nhau và giữa các mảng đang tách xa nhau.**đới tiếp giáp của các địa mảng:** HS đọc thông tin, làm việc với hình 2, hướng dẫn HS đọc chú giải rồi đặt các câu hỏi: Các địa mảng đứng yên hay có sự di chuyển? Các địa mảng nào xô vào nhau và xác định trên lược đồ các đới tiếp giáp? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ Các mảng kiến tạo** **Mảng kiến tạo:** Mảng Âu – Á, Mảng Thái Bình Dương, Mảng Ấn Độ - Ô-xtrây-Ìi-a, Mảng Phi, Mảng Bắc Mỹ, Máng Nam Mỹ, Máng Nam Cực Lưu ý: Ngoài 7 mảng lớn còn có các mảng nhỏ khác được đánh số. Việt Nam nằm ở mảng Âu – Á + Các địa mảng có sự di chuyển (dựa vào hướng mũi tên để biết): tách xa nhau hoặc xô vào nhau. + Các cặp mảng xô vào nhau: mảng Âu - Á và mảng Ấn Độ - Ô-xtrây-]i-a, mảng Thái Bình Dương và mảng Âu - Á, mảng Thái Bình Dương và mảng Bắc Mỹ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Động đất

a. Mục đích: HS biết được nguyên nhân, hậu quả của động đất

b. Nội dung: Tìm hiểu Động đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV :HS dựa vào thông tin trong SGK cho biết thế 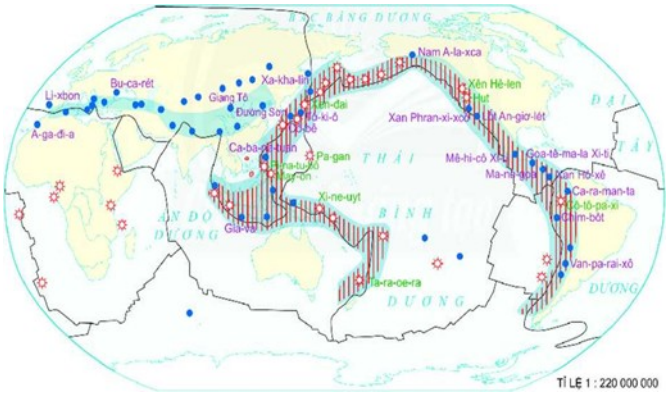 Dựa vào hình 9.4 và thông tin trong bài, em hãy: -Mô tả lại diễn biến, nguyên nhân và hậu quả của trận động đất. -Xác định các vành đai động đất. -Cho biết vành đai động đất trùng với ranh giới nào HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ Động đất.** + Động đất là những rung chuyển đột ngột mạnh mẽ của vỏ Trái Đất. + Nguyên nhân: do hoạt động của núi lửa, sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo, đứt gãy trong vỏ Trái Đất + Đổ nhà cửa, các công trình xây dựng. + Có thể gây nên lở đất, biến dạng đáy biển, làm phát sinh sóng thần khi xảy ra ở biển.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Núi lửa

a. Mục đích: HS biết được cấu tạo, nguyên nhân, hậu quả khi núi lửa xảy ra và dự báo nứi lửa doạt động

b. Nội dung: Núi lửa

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung chính</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS đọc thông tin sgk, thảo luận cặp đôi hoàn thành bảng kiến thức sau.
<table>
<tr><td>Nguyên nhân sinh ra núi lửa</td><td></td></tr>
<tr><td>Các bộ phận núi lửa</td><td></td></tr>
<tr><td>Hậu quả do núi lửa hoạt động gây ra</td><td></td></tr>
<tr><td>Dấu hiệu nhận biết núi lửa chuẩn bị hoạt động</td><td></td></tr>
<tr><td>cách gì để phòng tránh</td><td></td></tr>
</table>
HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài
</td><td>
IV/ Núi lửa
Nguyên nhân
sinh ra núi lửa là do mac-ma từ trong lòng Trái Đất theo các khe nứt của vỏ Trái Đất phun
trào lên bề mặt
các bộ phận
của núi lửa: lò mac-ma, miệng núi lửa, ống phun.
hậu quả do núi lửa gây ra
(tính mạng con người, môi trường, đời sống và sản xuất của con
người)
mặt đất rung nhẹ, nóng hơn, có khí bốc
lên ở miệng núi,... Khi có các dấu hiệu đó, người dân phải nhanh chóng sơ tán
</td></tr>
</table>

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung chính</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: Em hãy lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:
- Giả sử khi đang ở trong lớp học, nếu có động đất xảy ra, em sẽ làm gì?
- Em hãy tìm các thông tin về động đất và núi lửa trên thế giới hiện nay
HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
</td><td></td></tr>
</table>

HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: Bài 10. QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ NGOẠI SINH. CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH. KHOÁNG SẢN.

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.
- Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.
- Phân biệt được các dạng địa hình chính trênTrái Đất.
- Kể được tên một số loại khoáng sản

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: - Nhận biết một số dạng địa hình do quá trình nội sinh, ngoại sinh tạo thành qua
hình ảnh.
- Phân tích hình ảnh để trình bày được hiện tượng tạo núi.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Tôn trọng quy luật tự nhiên
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: - Hình ảnh một số dạng địa hình chịu tác động của quá trình nội sinh và quá trình
ngoại sinh, hiện tượng tạo núi

- Video về địa hình do tác động của nội sinh và ngoại sinh, hiện tượng tạo núi

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.
b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Bề mặt địa hình Trái Đất của chúng ta không bằng phăng, có những nơi được nâng cao lên nhưng cũng có những nơi lại bị bào mòn hay sụp xuống. Tại sao lại có những sự thay đôi như vậy? Có nơi nào trên vỏ Trái Đât vừa được nâng cao vừa bị bào mòn hay không? Tại Việt Nam, chúng ta thường nghe đến dãy núi Hoàng Liên Sơn, đồi chè Thái Nguyên, cao nguyên Lâm Viên, Đồng bằng sông Cửu Long,... Dựa vào những căn cứ nào đê phân chia địa hỉnh như HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh

a. Mục đích: HS biết được khái niệm nội sinh, ngoại sinh, quá trình vận động và các hiện tượng cảu quá trình đó
b. Nội dung: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh
c. Sản phẩm:
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào nội dung trong bài và hình 10.1, em hãy cho biết: - Thế nào là quá trình nội sinh và ngoại sinh? - Bồ mặt địa hình thay đổi như thế nào ở mỗi hình a, b, c? -Hình nào là kết quả của các quá trình ngoại sinh và hình nào là kết quả của quá trình nội sinh? HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I. Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh** *(Bảng chuẩn kiến thức)*
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Bảng chuẩn kiến thức

	Quá trình nội sinh	Quá trình ngoại sinh
Nguồn gốc	Quá trình xảy ra trong lòng Trái Đất.	Quá trình xảy ra bên ngoài, trên bề mặt đất.
Tác động đến địa hình	Xu hướng tạo nên sự gồ ghề của bề mặt Trái Đất.	Xu hướng san bằng địa hình, làm bề mặt bằng phẳng hơn.
Đối tượng tác động	Các dạng địa hình có quy mô lớn như châu lục, miền núi, cao nguyên.	Các dạng địa hình có quy mô nhỏ.

Hoạt động 2.1: Các dạng địa hình chính

a. Mục đích: HS biết độ cao so với mực nước biển và đặc điểm của các dạng địa hình.

b. Nội dung: Các dạng địa hình chính

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS quan sát hình ảnh và kiến thức SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng sau: Nhóm 1,2: tìm hiểu về Núi. Nhóm 3,4: Tìm hiểu về Đồi. Nhóm 5,6: Tìm hiểu về cao nguyên	**II/. Các dạng địa hình chính** (Bảng chuẩn kiến thức)

Các dạng địa hình	Độ cao so với mực nước biển	Đặc điểm
Núi		
Đồi		
Cao nguyên		
Đồng bằng		

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Bảng chuẩn kiến thức

Các dạng địa hình	Độ cao so với mực nước biển	Đặc điểm
Núi	Độ cao của núi so với mực nước biển là từ 500 m trở lên	Núi thường có đỉnh nhọn, sườn dốc.
Đồi	. Độ cao của đồi so với vùng đất xung quanh thường không quá 200 m.	Đồi có đỉnh tròn, sườn thoải
Cao nguyên	cao trên 500 m so với mực nước biển	vùng đất tương đối băng phăng hoặc gợn sóng. có sườn dốc, nhiều khi dựng đứng thành vách so với vùng đất xung quanh.
Đồng bằng	Dưới 200m so với mực nước biển.	Địa hình thấp, tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, độ dốc nhỏ.

Hoạt động 2.3: Khoáng sản

a. Mục đích: HS biết được tên các loại khaongs sản và công dụng của chúng

b. Nội dung: Tìm hiểu Khoáng sản

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV : Quan sát hình 10.4 và thông tin trong bài: - Em hãy cho biết các hình a, b, c, d là khoáng sản nào? - Những khoáng sản này có công dụng gì? - Hãy kê tên một vài khoáng sản khác mà em biết HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ Khoáng sản** -Khoáng sản là những khoáng vật và khoáng chất có ích trong tự nhiên trong vỏ Trái Đất mà con người có thể khai thác để sử dụng trong sản xuất và đời sống. - Khoáng sản gồn 3 loại: Năng lượng, kim loại và phi kim. - Mỏ khoáng sản là nơi tập trung khoáng sản có trữ lượng và chất lượng có thể khai thác đề sử dụng vào mục đích kinh tế.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.
c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 1. Hãy phân biệt quá trình nội sinh và ngoại sinh trong quá trình hình thành địa hình bề mặt Trái Đất? 2. Cho biết độ cao tuyệt đoi của các dạng địa hình chỉnh. 3. Tìm kiếm thông tin về hiện trạng khai thác một số loại khoáng sản mà em biết? HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. Nội dung: Vận dụng kiến thức
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: 1. Em hãy tìm thông tin về hang Sơn Đoàng và cho biết hang Sơn Đoòng là kết quả của quá trình hình thành địa hình nào? 2. Nơi em sinh Sổng thuộc dạng địa hình nào? Dạng địa hình này phù hợp với những hoạt động kinh tế nào? 3. Vì sao ngày nay con người phải tìm kiếm các nguồn năng lượng thay thế các tài nguyên khoáng sản như dầu mỏ, than đá?HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: BÀI 11. THỰC HÀNH ĐỌC LƯỢC ĐỒ TỈ LỆ LỚN VÀ LÁT CẮT ĐỊA LÍ ĐƠN GIẢN

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS được quan sát lược đồ về tự nhiên Việt Nam, cho biết những nội dung được thể hiện trong lược đồ. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	

HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

a. Mục đích: HS biết các bước đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

b. Nội dung: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

c. Sản phẩm: thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào hình 11.1, 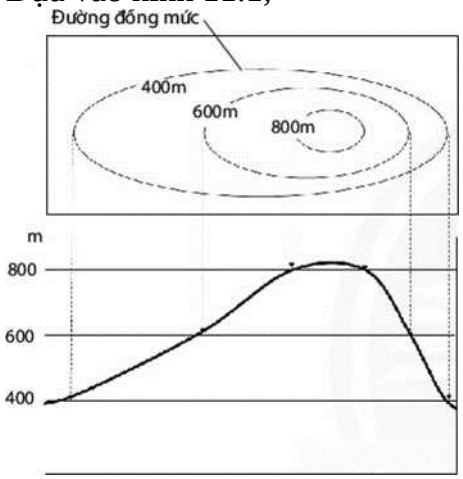 em hãy: Dựa vào hình 11.2, em hãy: - Xác định độ cao chênh lệch giữa hai đường đồng mức. -Xác định độ cao của các diêm B, c, D, E trên lược đồ. - So sảnh độ cao đình núi AI và A2. - Cho biết sườn núi từ AI đến B hay từ AI đến c dốc hơn? HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**1. Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn** **Đường đồng mức** là đường nối liền những điểm có cùng độ cao. Các đường đồng mức cách nhau một độ cao đều đặn gọi là khoảng cao đều. Các đường đồng mức càng gần nhau, địa hình càng dốc; các đường đồng mức càng cách xa nhau, địa hình càng thoải **Hướng dẫn đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn**: Cách đọc lược đổ địa hình tỉ lệ lớn: - Xác định khoảng cách độ cao giữa các đường đổng mức. - Căn cứ vào đường đổng mức, tính độ cao của các điểm trên lược đổ. - Căn cứ độ gân hay xa giữa các đường đổng mức để biết được độ dốc địa hình. - Tính khoảng các thực tế giữa các điểm dựa vào tỉ lệ lược đổ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Lát cắt địa hình

a. Mục đích: HS biết được các bước đọc 1 bản đồ địa hình đơn giản.
b. Nội dung: Tìm hiểu Lát cắt địa hình
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào hình 11.3, 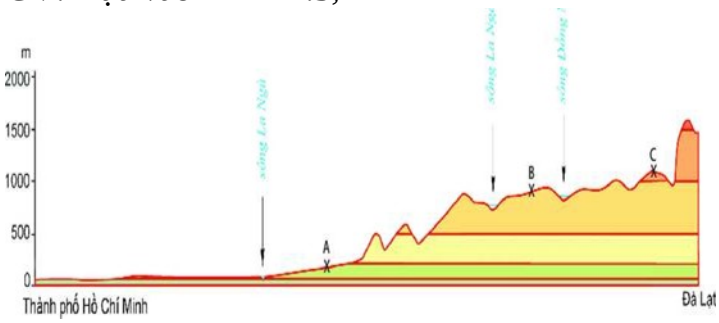 em hãy: - Cho biết lát cắt lần lượt đi qua những dạng địa hình nào? - Trong các diêm A, B, c, diêm nào có độ cao tháp nhất và độ cao cao nhất? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ Lát cắt địa hình** Hướng dẫn đọc lát cắt địa hình: - Khi đọc lát cắt, trước tiên ta phải xác định được điềm bắt đầu và điềm cuối của lát cắt. - Từ hai điểm mốc này, ta có thể biết được lát cắt có hướng như thế nào, đi qua những điểm độ cao, dạng địa hình đặc biệt nào, độ dốc của địa hình biến đổi ra sao,... - Từ đó, ta có thể mô tả sự thay đồi của địa hình từ điểm đầu đến điềm cuối lát cắt. - Dựa vào tỉ lệ lát cắt, có thề tinh được khoảng cách giữa các địa điềm.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.
c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc lát cắt các dạng địa hình ven biển nước ta HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

CHƯƠNG 4. KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

TÊN BÀI DẠY: BÀI 12. LỚP VỎ KHÍ . KHỐI KHÍ. KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.
- Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu.
- Kể dược tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.
- Trình bày được sự phân bố các đai khi áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.
- Biết cách sử dụng khi áp kế.
- Có ý thúc bảo vệ bầu khi quyển và lớp ô-dôn

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là khí quyển hay lớp vỏ khí của Trái Đất. Lớp vỏ khi gồm, những thành phần nào và cấu tạo ra sao? Khí áp và gió phân bố như thế nào trên Trái Đất HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Thành phần không khí gần bề mặt đất

a. Mục đích: HS kê tên được các thành phần và tỉ trọng cảu các thành phần đó trong

b. Nội dung: Thành phần không khí gần bề mặt đất

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **1/ Các tầng khí quyển** Đọc thông tin trong mục 2 và quan sát hình em hãy: - Cho biết khí quyển gồm những tầng nào.	**I/ CÁC TẦNG KHÍ QUYỂN VÀ THÀNH PHẦN KHÔNG KHÍ** **1/ Các tầng khí quyển**

HS làm việc nhóm

	Đối lưu	Bình lưu
Vị trí		
Đặc điểm		

2/ Thành phần không khí

GV: Cho HS quan sát H SGK phóng to

Quan sát hình 12.2, hình 12.3 kết hợp với nội dung trong bài, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Nêu tì lệ các thành phần của không khí.
- Trong quá trình cây xanh quang hợp, chất hữu cơ và khỉ oxy được tạo ra như thế nào?
- Khí oxy và hơi nước có vai trò gì đoi với tự nhiên trên Trải Đất?

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

Gồm 3 tầng:

+ Đối lưu
+ Bình lưu
+ Tầng cao khí quyển.

* Tầng đối lưu:

- Nằm dưới cùng, độ dày từ 0-16 km.
- Tập trung 90% KHÔNG KHÍ, KHÔNG KHÍ luôn chuyển động theo chiều thẳng đứng.
- Là nơi sinh ra các hiện tượng khí tượng :mây, mưa, sấm chớp…
- Càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm, lên cao100m nhiệt độ giảm 0,60C.

* Tầng bình lưu:

- Nằm trên tầng đối lưu, độ dày từ 16 – 80 km, không khí chuyển dộng theo chiều ngang.
- Có lớp ô dôn có tác dụng hấp thụ, ngăn các tia bức xạ có hại của MT đối với sinh vật và con người

2/ Thành phần không khí

Gồm :

- Khí ni tơ chiếm 78%.
- Khí ôxi chiếm 21% .
- Hơi nước và các khí khác chiếm 1%

➔ Các khi này có vai trò rất quan trọng đối với tự nhiên và đời sống.

Hoạt động 2.2: khối khí

a. Mục đích: HS biết được nơi hình thành và đặc điểm của các khối khí

b. Nội dung: Tìm hiểu Các khối khí

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm hoàn thành nội dung sau: Khối khí Nơi hình thành Đặc điểm chính	**II/ khối khí** Các khối khí: - Khối khí nóng hình thành

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài

trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.

- Khối khí lạnh hình thành trên các vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.

- Khối khí đại dương hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn.

- Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô

Hoạt động 2.3: Khí áp và gió trên Trái Đất

a. Mục đích: HS biết được khái niệm khí ap, đơn vị đo khí áp; sự phân bố các đai khí hậu trên Trái Đất

b. Nội dung: Tìm hiểu Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập ***1. Khí áp*** Dựa vào hình 12.4a và thông tin trong bài, em hãy: - Đọc trị số khí áp đang hiển thị trên khí áp kế kim loại. - Trị số ấy là khí áp thấp hay khỉ áp cao ***Các đai khí áp trên Trái đất*** Quan sát hình 12.5, em cho biết: - Trên Trái Đất có các đai khí áp nào? - Nêu tên các đai khỉ áp thấp, đai khỉ áp cao **2/ Gió trên Trái Đất** Dựa vào hình 12.5, em hãy: -	**III/ Khí áp và gió trên Trái Đất** ***1. Khí áp:*** - Sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất gọi là khí áp. - Đơn vị đo khí áp là mm thủy ngân. ***Các đai khí áp trên Trái đất.*** - Khí áp được phân bố trên TRÁI ĐẤT thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ xích đạo về cực + Các đai áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ 0^0 và khoảng vĩ độ 60^0B và N + Các đai áp cao nằm ở khoảng vĩ độ 30^0 B và N và khoảng vĩ độ 90^0B và N(cực Bắc và Nam) **2/ Gió trên Trái Đất**

Loại gió	phạm vi gió thổi	Hướng gió
Tín phong		
Tây ôn đới		
Đông cực		

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Bảng chuẩn kiến thức

Loại gió	**Phạm vi gió thổi**	**Hướng gió**
Tín phong	Từ khoảng các vĩ độ 30^0B và N về XĐ	ở nửa cầu Bắc hướng ĐB, ở nửa cầu Nam hướng ĐN
Tây ôn đới	Từ khoảng các vĩ độ 30^0B và N lên khoảng các vĩ độ 60^0B và N	ở nửa cầu B, gió hướng TN, ở nửa cầu N, gió hướng TB
Đông cực	Từ khoảng các vĩ độ 90^0Bvà N về 60^0B và N	ở nửa cầu B, gió hướng ĐB, ở nửa cầu N, gió hướng ĐN

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 1. Em hãy cho biết tầng khỉ quyển nào ảnh hưởng nhiều nhất đến sự Sống trên Trái Đất? Vì sao? 2. Dựavàohình 12.5, em hãy xác định hướng thổi của giỏ Đông cực ở cả hai bản cầu HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Hãy tìm hiểu và cho biết lãnh thổ Việt Nam nằm trong phạm vi ảnh hưởng của loại gió nào? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM
https://www.facebook.com/groups/thuvienstem

TÊN BÀI DẠY: BÀI 13. THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU VÀ CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.
- Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.

-Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.

- Phân biệt thời tiết và khí hậu.

-Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS được quan sát video về nhưng trận thiên tai,lũ lụt. Nêu hậu quả HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Nhiệt độ không khí

a. Mục đích: dụng cụ đo nhiệt độ không khí, sự thay đổi nhiệt độ không khí trên TĐ

b. Nội dung: Nhiệt độ không khí

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **Quan sát hình 13.1, 13.2**	**I/ Nhiệt độ không khí** - Mặt Trời là nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất. - Dụng cụ đo nhiệt độ không khí là nhiệt kế. Có hai loại nhiệt kế thường dùng là nhiệt kế có bầu thuỷ ngân (hoặc rượu) và nhiệt kế điện tử. - ở các trạm khí tượng, nhiệt kế được đặt trong lều khí tượng sơn màu trắng (hình 3), cách mặt đất 1,5 m. Nhiệt độ

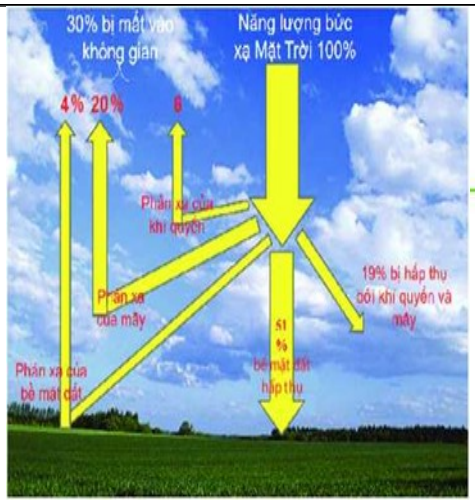 và thông tin trong bài, em hãy: - Cho biết nhiệt kế hình 13.2 chỉ bao nhiêu độ? - Thế nào là nhiệt độ không khí? Vì sao không HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	không khí được đo ít nhất 4 lần trong ngày (ở Việt Nam vào các thời điểm: 1, 7, 13, 19 giờ)

Hoạt động 2.1: Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ

a. Mục đích: Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ **b. Nội dung:** Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Dựa vào bảng 13.1 và thông tin trong bài, em hãy: -So sánh nhiệt độ trung bình năm của một số địa điểm trên thế giới. - Rút ra sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**II/ Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.** - Không khí ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở các vùng vĩ độ cao. - Ở các vùng vĩ độ thấp quanh năm có góc chiếu của tia sáng mặt trời với mặt đất lớn nên nhận được nhiều nhiệt, không khí trên mặt đất nóng. - Càng lên gần cực, góc chiếu của tia sáng mặt trời càng nhỏ, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn, không khí trên mặt đất cũng ít nóng hơn
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Độ ẩm không khí, Mây và mưa

a. Mục đích: HS biết được quá trình hình thành cảu mây và mưa; sự phân bố lượng

mưa trong năm.

b. Nội dung: Tìm hiểu Mây và mưa

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **a/ Quá trình hình thành mây và mưa** 1/ Cho biết giá trị độ ẩm không khí hiển thị trên hình 4. Còn bao nhiêu % nữa thì độ ẩm không khí sẽ đạt mức bão hoà? 2/ Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 5, em hãy mô tả quá trình hình thành mây và mưa. Gợi ý: - Hơi nước trong không khí được cung cấp từ những nguồn nào? - Khi nào hơi nước ngưng tụ thành mây? - Khi nào mây tạo thành mưa? **b) Sự phân bố lượng mưa trung bình năm** Hãy xác định trên bản đồ hình 6: - Những vùng có lượng mưa trung bình năm trên 2 000 mm. - Những vùng có lượng mưa trung bình năm dưới 200 mm HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ Độ ẩm không khí, Mây và mưa** **a/ Quá trình hình thành mây và mưa** - Trong không khí có hơi nước - Hơi nước trong không khí tạo ra độ ẩm của không khí. - Dụng cụ để đo độ ẩm của KHÔNG KHÍ gọi là ẩm kế . - Nhiệt độ không khí càng cao thì khả năng chứa hơi nước của không khí càng lớn. - Lượng hơi nước trong KHÔNG KHÍ đã bão hoà hoặc hơi nước bốc lên cao hoặc hơi nước tiếp xúc vơi khối không khí lạnh sẽ ngưng tụ a. Khái niệm: Hơi nước bốc lên cao gặp lạnh ngưng tụ thành các hạt nước (mây), gặp điều kiện thuận lơi hạt nước to dần và rơi xuống, gọi là mưa . - Dụng cụ đo mưa là vũ kế . - Lượng mưa trung bình năm của một địa phương là lượng mưa của nhiều năm cộng lại và chia cho số năm

Hoạt động 2.4: thời tiết và khí hậu

a. Mục đích: HS biết được khái niệm thời tiết và khí hậu

b. Nội dung: Khái niệm về thời tiết và khí hậu

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc thông tin SGK và cho biết - Khái niệm thời tiết, khí hậu. Dựa vào bản tin dự báo thời tiết ở trên, em hãy: - Nêu những yếu tố được sử dụng để biểu hiện thời tiết. - Mô tả đặc điểm thời tiết của từng ngày trong bảng.	**IV/ thời tiết và khí hậu** - Thời tiết là trạng thái của khí quyển tại một thời điểm và khu vực cụ thể được xác định bằng nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và gió. Thời tiết luôn thay đổi - Khí hậu ở một nơi là tổng

- Hãy cho biết, trong tình huống ở đầu bài, bạn nào là người nói đúng HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	hợp các yếu tố thời tiết (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió,...) của nơi đó, trong một thời gian dài và đã trở thành quy luật
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.5: Các đới khí hậu trên Trái Đất

a. Mục đích: HS biết được phạm vi và đặc điểm của các đới khí hậu trên TĐ

b. Nội dung: Tìm hiểu Các đới khí hậu trên Trái Đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV 1. Xác định trên hình 13.4 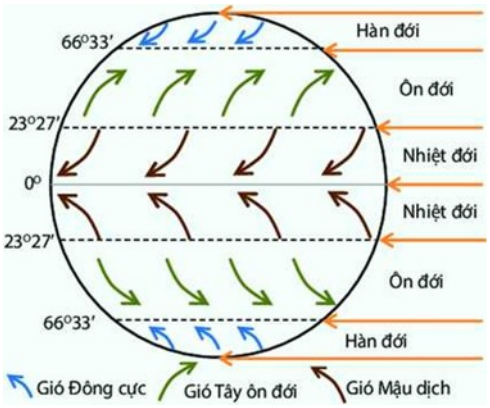 2. phạm vi của năm đới khí hậu trên Trái Đất. 2. Hãy lựa chọn và trình bày khái quát đặc điểm của một đới khí hậu. Tên đới khí hậu | Phạm vi và Đặc điểm HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**V/ Các đới khí hậu trên Trái Đất** (Bảng chuẩn kiến thức)
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	

HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Bảng chuẩn kiến thức.

Tên đới khí hậu	**Phạm vi và Đặc điểm**
Đới nóng	quanh năm nóng, nhiệt độ trung bình năm không thấp hơn 20°C, Gió thổi thường xuyên là gió Mậu dịch.
2 đới ôn hoà	có nhiệt độ không khi trung bình năm dưới 20°C, tháng nóng nhát không thấp hơn 10°C; Gió thổi thường xuyên là gió Tây ôn đới
2 đới lạnh	là khu vực có băng tuyết hầu như quanh năm, nhiệt độ trung bình của tất cả các tháng trong năm đều dưới 10°C.; Gió thổi thường xuyên là gió Đông cực

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau.

1. *Cho biết cách tính nhiệt độ trung bình tháng và nhiệt độ trung bình năm dựa vào cách tính nhiệt độ trung bình ngày.*
2. *Cho bảng số liệu sau:*

Bảng 13.3 Nhiệt độ theo giờ của một ngày trong tháng 11 tại Hà Nội

Giờ	1	7	13	19
Nhiệt độ (°C)	19	19	27	23

Dựa vào bảng số liệu 13.3:

- *Hãy tính nhiệt độ trung bình ngày trong tháng 11 của Hà Nội.*
- *Trong ngày, nhiệt độ cao nhất là bao nhiêu °c ? Thấp nhất là bao nhiêu °c?*

Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất trong ngày chênh nhau bao nhiêu °c

HS: lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học

hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Em hãy cho biết, khi gặp cơn dông em cần làm gì và không được làm gì đế phòng tai nạn do sẩm sét HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: BÀI 14. BIÊN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIÊN ĐỔI KHÍ HẬU

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

• - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.

- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu **2. Năng lực**

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Em có biết Trái Đất đã từng trải qua những thời kì băng hà rét lạnh với những thời kì ấm lên không? Chang hạn như: cách đáy khoảng 200 000 năm, Trái Đất lạnh đi; cách đây khoảng 130 000 năm Trái Đất ấm lên; nhưng rồi cách đây khoáng 80 000 năm thì Trái Đất lại lạnh đi. Còn hiện nay, Trái Đất đang nóng lên hay lạnh đi? Chúng ta sẽ "ứngphó " với điều đó như the nào? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Biến đổi khí hậu

a. Mục đích: HS biết được nguyên nhâ, biểu hiện và hậu quả của biến đổi khí hậu

b. Nội dung: Tìm hiểu 3. Biến đổi khí hậu

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV Nguyên nhân – Nhóm 1,2 Biểu hiện – Nhóm 3,4 Hậu quả – Nhóm 5,6 Giải pháp – Nhóm 7,8 HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**I/ Biến đổi khí hậu**
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Bảng chuẩn kiến thức.

Nguyên nhân	Có nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do tăng nhanh của khí CO2
Biểu hiện	biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thuỷ văn cực đoan.
Hậu quả	làm cho thiên tai xảy ra ngày càng nhiều và khốc liệt.
Giải pháp	sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế dùng túi ni-lông, tích cực trồng cây xanh, bảo vệ rừng,...

Hoạt động 2.2: PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

a. Mục đích: HS biết được các giải pháp ứng phó với thiên tai.

b. Nội dung: Tìm hiểu PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Dựa vào thông tin trong bài, bảng 14.1 và hình 14.3, em hãy: - Trình bày khái niệm thiên tai. - Cho biết bản thân em có thể thực hiện được biện pháp phòng tránh thiên tai nào? - Giải thích tại sao các hoạt động trong hình 14.3 sẽ giúp chúng ta ứng phó với biến đổi khí hậu? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Giai đoạn	Biện pháp

Trước khi xảy ra thiên tai	Dự báo thời tiết, dự trữ lương thực, trồng và bảo vệ rừng, xây dựng hổ chứa, sơ tán người dân.
Trong khi xảy ra thiên tai	Ở nơi an toàn, hạn chế di chuyển, giữ gìn sức khoẻ, sử dụng nước và thực phẩm tiết kiệm, theo dõi thông tin
Sau khi xảy ra thiên tai	Khắc phục sự cố, vệ sinh nơi ở, vệ sinh môi trường, giúp đỡ người khác.

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay. Em hãy lập sơ đồ các biểu hiện của biến đổi khí hậu HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. Nội dung: Vận dụng kiến thức
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Địa phương nơi em ở thường xảy ra loại thiên tai nào? Bản thân em có thê làm gì đê phòng tránh thiên tai ấy? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: BÀI 15. THỰC HÀNH:
VỀ NHIỆT ĐỘ,LƯỢNG MƯA
Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Phân tích đuọo biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.
- Xác định đưxyc đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	

HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: CHUẨN BỊ

a. Mục đích: hS biết được cần chuẩn bị những gì cho bài tập thực hành
b. Nội dung: Hướng dân đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa
c. Sản phẩm:
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HScần chuẩn bị những gì HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I/ CHUẨN BỊ**
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	-Biểu đổ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm. -Tập bản đồ Địa lí lớp 6
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: CÁC BƯỚC TIÊN HÀNH

a. Mục đích: biết vận dụng để làm các bài tập
b. Nội dung: Hướng dân đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa
c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: **Bài tập 1** Quan sát biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Va-len-xi-a, hãy: - Cho biết nhiệt độ trung bình tháng cao nhất và tháng thấp nhất. - Nhiệt độ chênh lệch giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là bao nhiêu? - Những tháng nào trong năm có lượng mưa trên 10Omm? Từ những nhận xét về nhiệt độ và lượng mưa của Va-len-xi-a, em hãy cho biết địa điểm này có thuộc đới khí hậu em đã tìm hiểu (trong bài	**II/ CÁC BƯỚC TIÊN HÀNH** **Bài tập 1**

13) không? Vì sao? 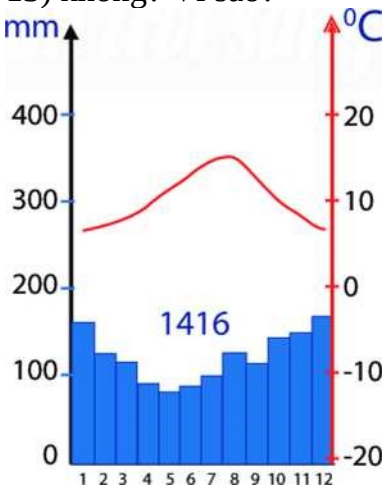 Quan sát hình 1, em hãy cho biết: - Trục bên tay trái thể hiện yếu tố nào. Đơn vị đo của yếu tố đó. - Trục bên tay phải thể hiện yếu tố nào. Đơn vị đo của yếu tố đó. - Biểu đồ cột màu xanh thể hiện cho yếu tố nào. - Đường biểu diễn màu đỏ thể hiện yếu tố nào. Trục ngang thể hiện yếu tố nảo **Bài tập 2** 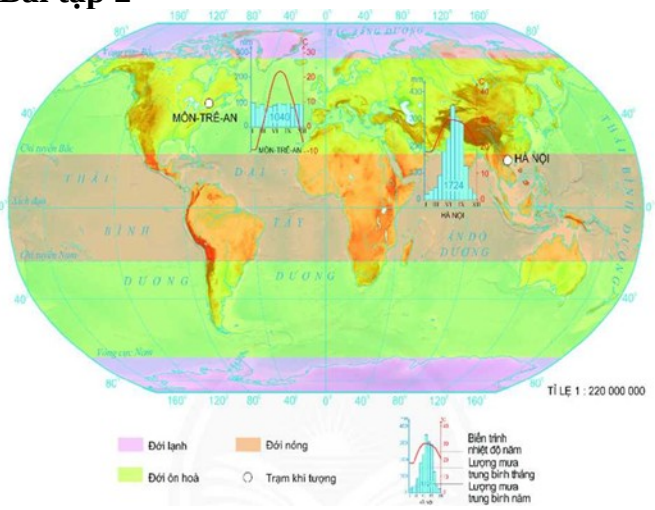 Quan sát hình 15.2, em hãy so sánh đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Môn-trê-an (Montreal), Ca-na-đa và Hà Nội, Việt Nam. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**Bài tập 2**
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc biểu đồ lượng mưa của tỉnh mình sinh sống HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

CHƯƠNG 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT\

TÊN BÀI DẠY: BÀI 16. THUỶ QUYỂN VÀ VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC. NƯỚC NGẦM, BĂNG HÀ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.
- Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.
- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà
- Có ỷ thức sử dụng hợp li và bảo vệ tài nguyên nước

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Trái Đất không giống với bất kì một hành tinh nào trong hệ Mặt Trời vì Trái Đất có nước. Nhờ có mrớc, Trái Đất trở thành một hành tinh có sự song. Nước trên Trái Đất gồm những thành phần nào? Các thành phần ấy liên quan với nhau ra sao? Nước bao bọc khắp hành tinh, vì sao nhân loại vẫn lo thiếu nước quan sát bứa tranh và đọc tình huống sau. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Thuỷ quyển

a. Mục đích: HS hiểu khái niệm thuỷ quyển, các thành phần cảu thuỷ quyển

b. Nội dung: Thuỷ quyển

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và câu trả lời của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Quan sát hình 1 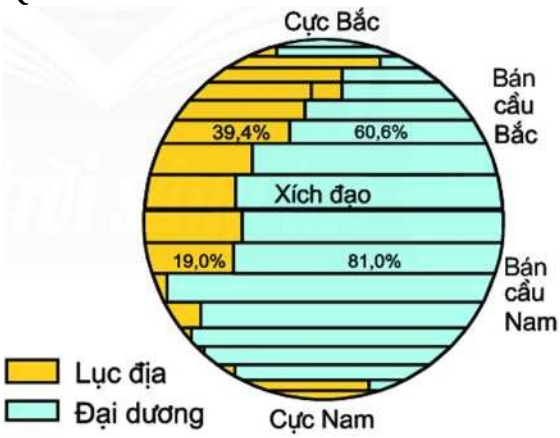 và đọc thông tin trong mục 1, em hãy: - Nêu khái niệm thuỷ quyển - Kể tên các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển. - Cho biết nước ngọt tồn tại dưới những dạng nào. Nêu tỉ lệ của từng dạng. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I/ THUỶ QUYỂN, THÀNH PHẦN CHỦ YẾU CỦA THUỶ QUYỂN** - KN: Thuỷ quyển là toàn bộ lớp nước bao quanh Trái Đất, nằm trên bề mặt và bên trong của vỏ Trái Đất; - Gồm nước ở các đại dương, biển, sông, hồ, đầm lầy, nước dưới đất (nước ngầm), tuyết, băng và hơi nước trong khí quyển
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Vòng tuần hoàn lớn của nước

a. Mục đích: HS biết được các bước trong vòng tuần hoàn lớn của nước

b. Nội dung: Tìm hiểu Vòng tuần hoàn lớn của nước

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS Quan sát sơ đồ hình 2 và kết hợp với hiểu biết của em, hãy: - Cho biết nước mưa rơi xuống bề mặt đất sẽ tồn tại ở những đâu. Mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ Vòng tuần hoàn lớn của nước** 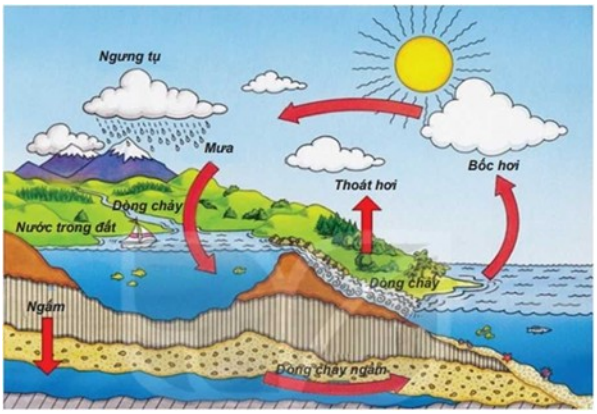
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Nước ngầm (nước dưới đất)

a. Mục đích: HS biết được các yếu tố tạo nên lượng nước ngầm. và giá trị của nguồn nước ngầm.

b. Nội dung: Tìm hiểu Nước ngầm (nước dưới đất)

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **1/ Nước ngầm** Quan sát hình 16.4 và đọc thông tin trong bài, em hãy: -So sánh tì lệ giữa nước mặn và nước ngọt trên Trái Đất. - Cho biết ti lệ nước ngầm trong tổng lượng nước ngọt trên Trải Đất. - Nêu tầm quan trọng của nước ngầm 2/ Băng hà. Quan sát hình 16.4, hình 16.5 và đọc thông tin trong bài, em hãy: - Kê tên những nơi có băng hà. -Xác định ti lệ băng hà trong tổng lượng nước ngọt trên Trải Đất. -Nêu tầm quan trọng của băng	**III/ Nước ngầm (nước dưới đất) và Băng hà (sông băng)** **1/ Nước ngầm** - các yếu tố tạo nên lượng nước ngầm :Lượng nước ngầm nhiều hay ít, mực nước ngầm nông hay sâu phụ thuộc vào địa hình, nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi,... -Vai trò: nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước tưới quan trọng trên thế giới. Nước ngẩm góp phần ổn định dòng chảy của sông ngòi; đồng

hà. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	thời, cố định các lớp đất đá bên trên, ngăn chặn sự sụt lún **2/ Băng hà** Băng hà góp phần điều hoà nhiệt độ trên Trái Đất, cung cấp nước cho các dòng sông
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 1. Hãy kê tên các thành phân chủ yêu của thuỷ quyên. 2. Hãy tìm vỉ dụ cho thấy nước ngầm có tham gia vào vòng tuần hoàn lớn của nước. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Nguồn nước ngọt hiện nay bị ô nhiễm nặng nề. Hãy tìm hiếu một so nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước ngọt ở địa phương em HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	

HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: BÀI 17. SÔNG VÀ HỒ.

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.
- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Theo em, một dòng sông lớn gồm những bộ phận nào? Sông được cung cấp nước từ những nguồn nào? Do đâu sông	

có lũ? Chúng ta cần sử dụng nước sông, hồ như thế nào? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Sôngvà lưu lượng nước của sông

a. Mục đích: HS biết được khái niêm, cấu tạo, vai trò cảu nước của sông và hồ

b. Nội dung: Sông, hồ

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **a/ Sông** ? Sông là gì? ? Những nguồn cung cấp nước cho dòng sông GV: Cho HS quan sát bảng số liệu Nguồn cung cấp Diện tích Sông chính phụ lưu GV: Em hây nêu mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cung cấp nước sông ? Sông chính cùng phụ lưu, chi lưu hợp lại gọi là gì? **2/ Lưu lượng nước sông** Dựa vào thông tin trong bài và bảng 17.1, em hãy: - Cho biết mùa lũ của sông Gianh vào	**I/ Sông và lưu lượng nước của sông** **1/ Các bộ phận của dòng sông** - Sông là dòng chảy thường xuyên của nước, tương đối ổn định trên bề mặt lục đia . - Nguồn cung cấp cho sông: Nước mưa, nước ngầm, băng tuyết tan. - Diện tích đất đá cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là lưu vực sông . - Sông chính cùng phụ lưu, chi lưu hợp lại gọi là hệ thống sông. **2/ Lưu lượng nước sông**. Lưu lượng nước là lượng

những tháng nào? - Cho biết những tháng nào có lượng mưa lớn nhất? - Rút ra moi quan hệ giữa mùa lũ của Sổng với nguồn cung cấp nước sông HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông, ở một địa điểm nào đó, trong một giây đồng hổ. Đon vị tính lưu lượng nước thường là m3/s.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Hồ

a. Mục đích: HS biết được các khái niệm hồ, nguồn gốc cảu các loại hồ

b. Nội dung: Tìm hiểu Hồ

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV 1/ Khái niệm hồ. 2/ Nguồn gốc của các loại hồ. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ HỒ** - Hổ là một dạng địa hình trũng chứa nước, thường khép kín và không trực tiếp thông ra biển - Hổ có nguồn gốc hình thành và hình dạng khác nhau.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: SỬ DỤNG TỔNG HỢP NƯỚC SÔNG, HỒ

a. Mục đích: HS biết được vai trò của của nước sông, hồ đối với đời sống con người

b. Nội dung: Tìm hiểu SỬ DỤNG TỔNG HỢP NƯỚC SÔNG, HỒ

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV:	**III/ SỬ DỤNG TỔNG HỢP NƯỚC SÔNG, HỒ**

Dựa vào thông tin trong bài và hình 17.4, em hãy: - Kê những mục đích sử dụng nước sông, hồ. - Cho biết nước sông, hồ có thê cùng lúc sử dụng cho nhiều mục đích không HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**Vai trò cảu nước sông, hồ** - Sinh hoạt của người dân - Nông nghiệp, đánh bắt và nuôi thuỷsản,... - Thuỷ điện, chế biến thuỷ sản,... - Giao thông vận tải đường sông, hồ - Du lịch, thể thao, giải trí,...
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 1. Em hãy vẽ sơ đô thê hiện các bộ phận chỉnh của một dòng sông lớn. 2. Sông nào cung cấp nước cho hồ Dầu Tiếng? Nước hồ Dầu Tiếng có được sử dụng tổng hợp? HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS hoàn thành các yêu cầu sau. Hãy tìm ví dụ sử dụng tông hợp nước Sổng hoặc hồ mà em biết HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: BÀI 18. BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.
- Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.
- Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Nước mặn chiếm 97,5% khối nước trên Trái Đất, gần như toàn bộ nằm trong các biển và đại dương. Nước trong các biển và đại dương có nhiệt độ và độ muối khác nhau theo và độ và luôn vận động HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Đại dương thế giới

a. Mục đích: kể tên được các đại dương trên thế giới

b. Nội dung: Đại dương thế giới

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: 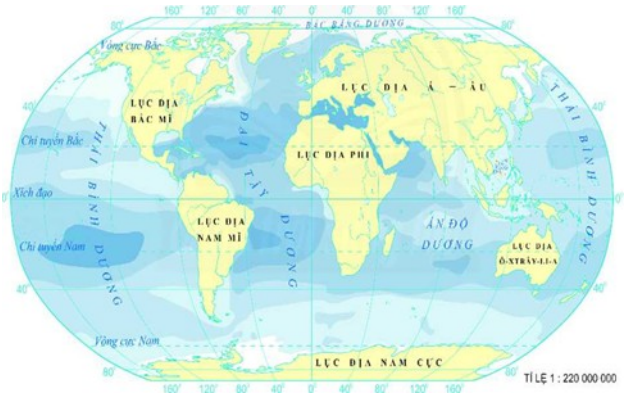 Dựa vào hình 18.1, em hãy: - Ke tên các đại dương trên thế giới. - Xác định các châu lục tiếp giáp với từng đại dương HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I/ Các Đại dương trên Trái Đất** - Đại dương thế giới là lớp nước liên tục, bao phủ hơn 70% diện tích bề mặt Trái Đất. - Bao gồm: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả	

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Độ muối, nhiệt độ của nước biển

a. Mục đích: HS biết được độ mặn TB của nước biển; nhiệt độ trung bình của nước biển

b. Nội dung: Tìm hiểu Độ muối, nhiệt độ của nước biển

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV : - Cho biết sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biến nhiệt đới và vùng biến ôn đới. - Giải thích tại sao có sự khác biệt như vậy? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ nhiệt độ, Độ muối, của nước biển và đại dương** - Nước ở biển và đại dương có vị mặn. Độ muối trung bình của nước đại dương là 35%O. - Nhiệt độ trung bình bề mặt toàn bộ đại dương thế giới là khoảng 17°c
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Sự vận động của nước biển và đại dương

a. Mục đích: HS biết được các hình thức vận động và đặc điểm của từng vận động đó.

b. Nội dung: Tìm hiểu 3. Một số dạng vận động của nước biển và đại dương

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV Tên các hình thức vận động | Đặc điểm HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ Sự vận động của nước biển và đại dương** **1. Sóng biển :** - Sóng là sự chuyển động tại chỗ của các lớp nước trên mặt - Gió là nguyên nhân chính tạo ra sóng. Gió càng mạnh thì sóng càng lớn **2. Thuỷ triều:** - Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng lên, hạ xuống
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ	

HS: Suy nghĩ, trả lời	trong một thời gian nhất định (trong ngày). **3/ Dòng biển.** - Dòng biển là các dòng nước chảy trong biển và đại dương - Có hai loại dòng biển: dòng biển nóng và dòng biển lạnh
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.
c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 1. Em hãy lập sơ đỏ thê hiện ba dạng vận động chinh của nước biên và đại dương. 1. Tìm mối quan hệ giữa nhiệt độ và độ muối của nước biến, đại dương HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. Nội dung: Vận dụng kiến thức
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Nêu những lợi ích kinh tế mà sóng/thuỷ triều/dòng biến đem lại cho chúng ta. Liên hệ với Việt Nam HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

CHƯƠNG 6. ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT

TÊN BÀI DẠY: BÀI 19. LỚP ĐẤT VÀ MỘT SỐ NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT. MỘT SỐ NHÓM ĐẤT ĐIỂN HÌNH

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.
- Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.
- Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.
- Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập	

GV: "Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu " (Ca dao) Khoảng 3/4 diện tích bề mặt Trái Đất là đại dương, phần còn lại là lục địa. Lớp đất trên Trái Đất là môi trường song của con người và các sinh vật song. Vậy đất bao gồm những thành phần chỉnh nào? Có những nhóm đất điên hỉnh nào? Những nhân tố nào góp phần hỉnh thành đất? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: I. LỚP ĐẤT, CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA ĐẤT VÀ TẦNG ĐẤT

a. Mục đích: kể tên được các tầng của đất và vai trò cảu tầng chứa mùn**.**

b. Nội dung: LỚP ĐẤT, CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA ĐẤT VÀ TẦNG ĐẤT

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **1/ Lớp đất** ? Khái niệm lớp đất. ? Giá trị độ phì nhiêu của đất **2/ Các thành phần chính của đất** Dựa vào vào hình 19.1 và thông tin trong bài, em hãy: - Cho biết các thành phần chỉnh của đất. - Thành phần nào chiếm tì lệ lớn nhất? - Thành phần nào quan trọng nhất	**I. LỚP ĐẤT, CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA ĐẤT VÀ TẦNG ĐẤT** **1/ Lớp đất** Lớp vật chất mỏng, tơi xốp bao phủ trên bề mặt các lục địa và đảo, được đặc trưng bởi độ phì gọi là lớp đất. **2/ Các thành phần chính của đất** Lớp đất trên các lục địa bao gồm các thành phần là chất vô cơ, chất hữu cơ, nước, không

3/ Các tầng đất : 1. Quan sát hình 1, em hãy kể tên các tầng đất 2. Trong các tầng đất, tầng nào trực tiếp tác động đến sự sinh trưởng và phát triển của thực vật HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	khí **3/ Các tầng đất** -Gồm 3 tầng: Tầng đá mẹ, tầng tích tụ và tầng chứa mùn. - Trong đó tầng tích tụ có tác động mạnh mẽ đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Các nhân tố hình thành đất

a. Mục đích: HS biết được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình và thời gian

b. Nội dung: Tìm hiểu Các nhân tố hình thành đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV 1/ Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất. 2/ Dựa vào hình ảnh và thông tin trong mục 3, em hãy trình bày nhân tố hình thành đất mà em cho là quan trọng nhất và giải thích cho sự lựa chọn đó. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ Các nhân tố hình thành đất** - Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình và thời gian. - Trong đó nhân tố đóng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	vai trò quan trọng nhất là đá mẹ.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Một số nhóm đất điền hình trên thế giới

a. Mục đích: HS kể tên được 1 số loại đất có diện tích lớn trên thê giới

b. Nội dung: Tìm hiểu Một số nhóm đất điền hình trên Trái Đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV ' Dựa vào vào hình 19.4, em hãy kê tên: - Một sổ nhóm đất điên hình trên thế giới. - Các nhóm đất điển hình ở lục địa Á - Âu và lục địa Phi HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ Một số nhóm đất điền hình trên thế giới** - Dựa vào quá trình hình thành và tinh chất đất. - Đất đen thảo nguyên ôn đới, đất pốt dôn vả đất đỏ vàng nhiệt đới là một số nhóm đất điền hình.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. Em hãy cho biết: - Vai trò của lớp đất đoi với sinh vật (thực vật, động vật,...)? - Nhân tố nào đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành đất? Giải thích vì sao em chọn nhân tổ đó? HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS hoàn thành các nội dung sau. Dựa vào nội dung đã học và hiểu biết của mình, em hãy sưu tầm những thông tin liên quan đến những nhóm đất chỉnh ở Việt Nam HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.
- Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.
- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới_

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Trong giới tự nhiên, sinh vật sống trong những điều kiện khác nhau như trên cạn, dưới nước. Từ đó tạo nên các môi trường Sống đa dạng, phong phú của sinh vật trên Trái Đất. Sự đa dạng của thế giới sinh vật được the hiện như the nào? Các đới thiên nhiên phân bo ra sao? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1:Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa

a. Mục đích: HS biết được sự đa dạng của sinh vật trên lục địa.

b. Nội dung: Tìm hiểu Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS Đọc thông tin và các hình ảnh trong mục 2, em hãy: Dựa vào hình 20.1, hình 20.2 và nội dung bài học, em hãy cho vỉ dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương mà em biết?. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**I/ Sự đa dạng của sinh vật trên lục địa.** **1) Thực vật** - Phong phú, đa dạng, có sự khác biệt rõ rệt giữa các đới khí hậu **2) Động vật** Động vật chịu ảnh hưởng của khí hậu ít hơn thực vật, do động vật có thể di chuyển từ nơi này đến nơi khác. Giới động vật trên các lục địa cũng hết sức phong phú, đa dạng, có sự khác biệt giữa các đới khí hậu.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 22: II. CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN TRÊN THÊ GIỚI

a. Mục đích: HS biết được vị trí, giới hạn và đặc điểm khí hậu của các đới khí hậu .

b. Nội dung: Tìm hiểu CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN TRÊN THÊ GIỚI

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào hình 20.3, em hãy xác định trên bản đồ các đới thiên nhiên trên thế giới	**II/ CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN TRÊN THÊ GIỚI**

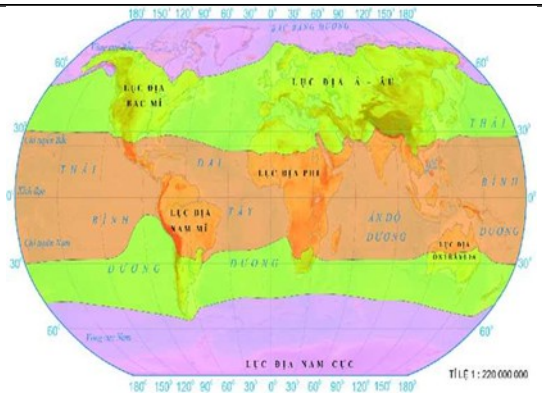

HS thảo luận để hoàn thành nội dung sau

	Vị trí	Khí hậu	Thực vật
Đới nóng			
Đới ôn hoà			
Đới lạnh			

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài

1. Đới nóng

Đới nóng trải dài giữa hai chí tuyến thành một vành đai liên tục bao quanh Trái Đất, có nhiệt độ cao. Đới nóng chiếm phần lớn diện tích đất nổi trênTrái Đất; giới động, thực vật ở đây hết sức phong phú và đa dạng.

2. Đới ôn hoà

Đới ôn hoà nằm giữa đới nóng và đới lạnh, khoảng giữa hai chí tuyến đến hai vòng cực. Khí hậu mang tính chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh, thời tiết thay đổi thất thường. Thiên nhiên thay đổi theo bốn mùa. Thảm thực vật thay đổi từ tây sang đông, động vật ít hơn so với đới nóng.

3. Đới lạnh

Đới lạnh nằm trong khoảng từvòng cực về phía hai cực, có khí hậu khắc nghiệt. Đới lạnh là xứ sở của băng tuyết, nhiệt độ trung bình và lượng mưa rất thấp.Thực vật kém phát triển bao gồm các cây

Hoạt động 2.3: Rừng nhiệt đới

a. Mục đích: HS nêu được sự phân bố, nhiệt độ, lượng mưa và sự phong phú cảu sinh vật

b. Nội dung: Đặc điểm rừng nhiệt đới

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS thảo luận nhóm và hoàn thành bảng sau. Phân bố Nhiệt độ TB	**1/ Đặc điểm rừng nhiệt đới** (Bảng chuẩn kiến thức)

Lượng mưa TB	
Động vật	
Thực vật	

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

Bảng chuẩn kiến thức.

Phân bố	Từ vùng Xích đạo đến hết vành đai nhiệt đới ở cả bán cầu Bắc và bán cầu Nam
Nhiệt độ TB	Nhiệt độ trung bình năm trên 21 °C
Lượng mưa TB	Lượng mưa trung bình năm trên 1 700 mm
Động vật	Động vật rất phong phú, nhiều loài sống trên cây, leo trèo giỏi như khỉ, vượn,... nhiều loài chim ăn quả có màu sắc sặc sỡ
Thực vật	Rừng gồm nhiều tầng: trong rừng có nhiều loài cây thân gỗ, dây leo chằng chịt; phong lan, tầm gửi, địa y bám trên thân cây

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau.

1. Em hãy kể tên một số loài sinh vật trên cạn và dưới nước mà em biết.
2. Cho biết một số rừng nhiệt đới mà em biết

HS: lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS hoàn thành các nội dung sau. Em hãy sưu tầm các thông tin về một vườn quốc gia mà em biết để chứng minh sự đa dạng của động vật và thực vật. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: BÀI 21. THỰC HÀNH:
TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA TÀI LIỆU
VÀ THAM QUAN ĐỊA PHƯƠNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.
- Yéu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ thiên nhiên

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Nêu hiểu biết của bản thân về môi trương tự nhiên của địa phương mình HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Gợi ý một số nội dung

a. Mục đích: HS nắm được các nội dung cần thực hiện trong việc tìm hiểu về môi trường tự nhiên của tỉnh mình.

b. Nội dung: Gợi ý một số nội dung

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS tiếp cận cá nội dung nghien cứu HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: TRONG THAM QUAN

a. Mục đích: HS biết được cách thức nghiên cứu, tìm hiểu về môi trương ftuwj nhiên của tỉnh.

b. Nội dung: Tìm hiểu Cách thức tiến hành

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: hướng dẫn HS các bước làm như sau. a)Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung b)Phân công nhiệm VỊI cho các thành viên trong nhóm c)Xác định thời gian và địa điểm tham quan ở địa phương d)Thu thập tài liệu và xứ lí tài liệu - Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan quản lí vấn đề ở địa phương. - Tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương. - Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học). - Phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được. đ) Viết báo cáo - Viết báo cáo Từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích): + Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu mồi trường tự nhiên. + Nêu hiện trạng và nguyên nhân. + Một số giải pháp. - Trình bày báo cáo + Phân công người báo cáo trước lớp. + Chuẩn bị nội dung kèm theo: tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,... HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II. TRONG THAM QUAN** Bao gồm các bước: - Bước 1: Thu thập thông tin. - Bước 2: Thực hiện tham quan. - Bước 3: Thảo luận với các thành viên khác. - Bước 4: Tham khảo sự hướng dẫn của giáo viên
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: SAU THAM QUAN

a. Mục đích: HS biết được cách viết báo cáo sau khi tham quan
b. Nội dung: Tìm hiểu III. SAU THAM QUAN
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: hướng dẫn HS các bước làm như sau. a)Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung b)Phân công nhiệm VỊI cho các thành viên trong nhóm c)Xác định thời gian và địa điểm tham quan ở địa phương d)Thu thập tài liệu và xứ lí tài liệu - Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan quản lí vấn đề ở địa phương. - Tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương. - Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học). - Phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được. đ) Viết báo cáo - Viết báo cáo Từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích): + Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu mồi trường tự nhiên. + Nêu hiện trạng và nguyên nhân. + Một số giải pháp. - Trình bày báo cáo + Phân công người báo cáo trước lớp. + Chuẩn bị nội dung kèm theo: tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,... HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III. SAU THAM QUAN** Bao gồm các bước: - Bước 1:Tổng hợp các tài liệu. - Bước 2: Viết báo cáo tham quan. - Bước 3: Trình bày báo cáo tham quan. - Bước 4: Mô tả lại quá trình tham quan
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Viết báo cáo HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

CHƯƠNG VII: CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

TÊN BÀI DẠY: BÀI 22. DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ CƯ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Biết được số dàn trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dàn cư trên thế giới.
- Đọc được biểu đò quy mô dàn số thế giới.
- Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dàn nhất thế giới

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm:
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Người hiện đại đầu tiên xuất hiện cách đây khoảng 40 000 năm. Đến nay, số lượng người trên Trái Đất đã lên tới hàng tỉ người và phân bố khắp các châu lục (trừ châu Nam Cực). Em có biết số dân và sự phân bố dân cư trên thế giới thay đổi như thế nào không? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Dân số trên thế gi

a. Mục đích: Hs biết số dân, sự gia dân số thế giới trong những năm gần đây

b. Nội dung: Dân số trên thế giới

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1, Dựa vào thông tin trong bài và hình 22.1, em hãy cho biết: - Quy mỏ dân số the giới năm 2018. - Xu hướng thay đổi quy mô dân số thế giới trong thời kì 1804 - 2023. em hãy cho biết: - Số dân thế giới năm 2018. - Số dân thế giới thay đổi như thế nào qua các năm. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**1/ Dân số trên thế giới** - Năm 2018, thế giới có 7,6 tỉ dân, sống trong hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. - Số dân của các quốc gia rất khác nhau và luôn biến động.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Phân bố dân cư thế giới

a. Mục đích: HS biết được sự phân bố dân cư trên thế giới là rộng khắp nhưng chưa đồng đều

b. Nội dung: Tìm hiểu Phân bố dân cư thế giới

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS Dựa vào hình 22.2	**II/ Phân bố dân cư thế giới** - Phân bố dân cư và mật

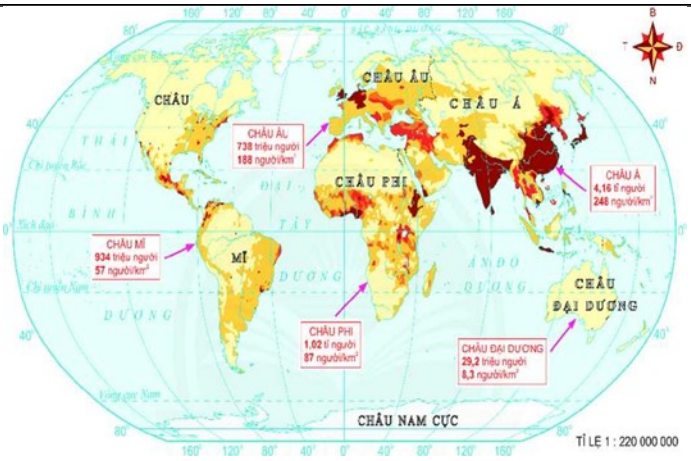 , em hãy: - Dựa vào hình 22.2 và thông tin trong bài, em hãy: - Xác định trên bản đồ những khu vực đông dân (mật độ dân số trên 100 người/km2) và những khu vực thưa dân (mật độ dân số dưới 5 người/km2). - Cho biết vì sao dân cư trên thế giới phân bố không đồng đều? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	độ dân số thế giới thay đổi theo thời gian và không đều trong không gian - Nơi đông dân: nơi kinh tế phát triển, điều kiện tự nhiên thuận lợi - Nơi thưa dân: các vùng khí hậu khắc nghiệt (băng giá, hoang mạc khô hạ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới

a. Mục đích: HS biết được một số thành phố đông dân trên thế giới

b. Nội dung: Tìm hiểu Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào bản đồ hình 4 và bảng số liệu trang 196, em hãy: 1. Kể tên năm thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018. 2. Cho biết châu lục nào có nhiều siêu đô thị nhất HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới** (**Bảng kiến thức**)
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Bảng kiến thức.

STT	TÉN THÀNH PHÔ	QUÔC GIA	SÔ DÂN (Triệu người)
1	Tô-ky-ô	Nhật Bản	37,5
2	Niu Đê-li	Án Độ	28,5
3	Thượng Hải	Trung Quốc	25,6
4	Xao Pao-lô	Bra-xin	21,7
5	Mê-hi-cô Xi-ti	Mê-hi-cô	21,6
6	Cai-rô	Ai Cập	20,1
7	Mum-bai	Án Độ	20,0
8	Đắc-ca	Băng-la-đét	19,6
9	Bắc Kinh	Trung Quốc	19,6
10	ồ-xa-ca	Nhật Bàn	19,3

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.
c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Chọn một trong hai nhiệm vụ sau: 1/ Cho biết sự gia tăng dân số thế giới quá nhanh sẽ dẫn tới những hậu quả gì về đời sống, sản xuất và môi trường. 2/ Dựa vào hình 3 và tìm hiểu thông tin về thành phố Tô-ky-ô, sau đó chia sẻ với các bạn. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

TÊN BÀI DẠY: BÀI 23. CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Néu được các tác động của thiên nhiên lén hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.
- Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Yéu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Đời sống và sản xuất của con người không thể tách rời thiên nhiên Trái Đất. Thiên nhiên là môi trường sống của con người, đồng thời thiên nhiên cũng chịu tác động của con người Bài học này cho chúng ta thấy thiên nhiên tác động đến con người như thế nào và con người tác động lại thiên nhiên ra sao HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Tác động của thiên nhiên đến con người

a. Mục đích: HS thấy được những tác động tích cực, tiêu cực của thiên nhiên tới con người và hoạt động sản xuất

b. Nội dung: Tác động của thiên nhiên đến con người

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1,2; em hãy nêu ví dụ về tác động của thiên nhiên đối với đời sống con người. Dựa vào thông tin trong mục b và các hình 3, 4, 5; em hãy nêu ví dụ về	**I/ảnh hưởng của thiên nhiên đến sinh hoạt và sản xuất** Trong đời sống hằng ngày, thiên nhiên cung cấp những điều kiện hết sức cần thiết (không khí, ánh sáng, nhiệt độ, nước,...) để con người có thể tồn tại

tác động của thiên nhiên tới sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp hoặc du lịch). HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	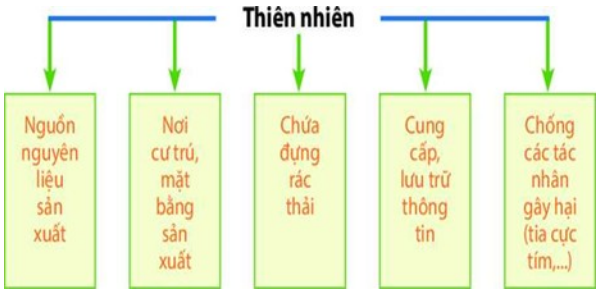 *Đối với sản xuất nông nghiệp* *Đối với sản xuất công nghiệp* *Đối với giao thông vận tải và du lịch*
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Tác động của con người tới thiên nhiên

a. Mục đích: HS biết được tác động tích cực và tiêu cực cảu con người tới thiên nhiên.

b. Nội dung: Tìm hiểu Tác động của con người tới thiên nhiên

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào thông tin trong bài, hình 23.2 và hình 23.3, em hãy nêu những tác động tích cực và tiêu cực của con người đến thiên nhiên HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II/ Tác động của con người tới thiên nhiên** - Làm suy giảm nguồn tài nguyên. - Làm ô nhiễm môi trường. - Con người ngày càng nhận thức được trách nhiệm của mình với thiên nhiên và đã có những hành động tích cực để bảo vệ môi trường bằng cách trồng rừng, phủ xanh đồi núi, cải tạo đất, biến những vùng khô cằn, bạc màu thành đồng ruộng phì nhiêu
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên

a. Mục đích: HS biết được viếc khai hợp lí và sử dụng khoáng sản thông minh sẽ mang lại giá trị như thế nào.

b. Nội dung: Tìm hiểu Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc thông tin SGK, thảo luận cặp đôi và cho biết: 1. Em hãy cho biết ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên thiên nhiên. 2. Để bảo vệ môi trường, mỗi người chúng ta cần phải làm gì? 3. Dựa vào sơ đồ trên và hình 1, em hãy lấy ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**III/ Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên** - Ý nghĩa: giữ gìn sự đa dạng sinh học, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường tự nhiên. Nhờ đó, bảo vệ được không gian sống của con người, đảm bảo cho con người tồn tại trong môi trường trong lành, thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội. - Sử dụng tài nguyên hợp lí, tiết kiệm nhằm hạn chế sự suy giảm tài nguyên cả về số lượng và chất lượng,
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. 1. Em hãy tìm những ví dụ thể hiện các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. 2. Vẽ sơ đồ thể hiện những tác động tích cực và tiêu cực của con người đến thiên nhiên. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS hoàn thành các nội dung sau 1. Trong cuộc song hằng ngày, em có thể làm gì để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên nơi em sống? 2. Em hãy tìm những vỉ dụ về khai thác tài nguyên thiên nhiên ở nơi em song. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

Tài liệu này được chia sẻ tại: Group Thư Viện STEM-STEAM
https://www.facebook.com/groups/thuvienstem

TÊN BÀI DẠY: BÀI 24. THỰC HÀNH:
TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI TỚI THIÊN NHIÊN
Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6
Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU :
Yêu cầu cần đạt:
1. Kiến thức:
- Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở' địa phương.
- Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương

2. Năng lực
*** Năng lực chung**
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất
- Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1:

a. Mục đích:

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Bằng kiến thức của bản thân nêu tác động của con người đến thiên nhiên HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**I/ NỘI DUNG**
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: CHUẨN BỊ

a. Mục đích: HS biết được các bước tiến hành

b. Nội dung: Tìm hiểu CHUẨN BỊ

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV a) Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm c) Xác định thời gian và địa điểm tham quan ở địa phương HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**II. CHUẨN BỊ** **Tư liệu, thiết bị** -Sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo,... - Các tài liệu từ internet. - Dụng cụ xác định phương hướng. - Dụng cụ thu gom và chứa mẫu vật. - Phương tiện ghi hình, thu âm,... (nếu có).
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: TỔ CHỨC HỌC TẬP TẠI THỰC ĐỊA

a. Mục đích: HS biết được cách tổ chức học tập tại địa phương

b. Nội dung: Tìm hiểu TỔ CHỨC HỌC TẬP TẠI THỰC ĐỊA

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV - Quan sát địa bàn tham quan. - Ghi chép thông tin đầy đủ. -Thu thập mẫu vật. - Chụp hình hoặc ghi chú những thông tin	**III/ TỔ CHỨC HỌC TẬP TẠI THỰC ĐỊA**

quan trọng. -Ghi nhớ lộ trình tham quan. Lưu ý: Học sinh cần phải thông tin và phản hồi với giáo viên trong quá trình tham quan. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.4: THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO SẢN PHẨM

a. Mục đích: Đại diện HS các đội báo cáo

b. Nội dung: Tìm hiểu THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO SẢN PHẨM

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV 1. Sắp xếp thông tin thu thập được theo chủ đề. 2. Kiểm tra các thông tin thu thập được với các nguồn tài liệu khác. 3. Trình bày sản phẩm: -Cá nhâmTrình bày các bước thực hiện một chuyến tham quan. - Nhóm: Viết bài báo cáo, vẽ lược đổ trí nhớ, SƯU tập mẫu vật phù hợp với chủ đề đã chọn. Rút kinh nghiệm từ các nhóm khác và ý kiến của giáo viên HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**IV/ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO SẢN PHẨM** Lần lượt các đại diện các nhóm báo cáo
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. Nội dung: Hoàn thành các bài tập.
c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh
d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành các câu hỏi sau. HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ, thảo luận để tìm ra câu trả lời.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. Nội dung: Vận dụng kiến thức
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS tiếp tục làm báo cáo HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	